SAIGON CAPITAL

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN
Trụ sở chính: Tầng 1, Khối nhà B, số 88 Trần Thủ Độ, phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội
Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 37/UBCK-GP ngày 28/08/2008 và các Giấy phép điều chỉnh

Số: 0304/2026/CV-SGC

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Quý Cổ đông.

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN ("Công ty")

Trụ sở chính: Tầng 1, Khối nhà B, số 88 Trần Thủ Độ, phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.3355 2299 Fax: 024.3355 2299

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Lê Thị Lệ Hằng

Địa chỉ: Tầng 1, Khối nhà B, số 88 Trần Thủ Độ, phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☑ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Công ty công bố thông tin về việc họp và các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty.

Nội dung thông tin công bố đã được Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 03/04/2026 tại đường dẫn: www.saigoncapital.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu VT.*

NGƯỜI THỰC HIỆN
CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN

LÊ THỊ LỆ HẰNG

SAIGON CAPITAL

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN
Trụ sở chính: Tầng 1, Khối nhà B, số 88 Trần Thủ Độ, phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội
Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 37/UBCK-GP ngày 28/08/2008 và các Giấy phép điều chỉnh
Mã số doanh nghiệp: 0305932511

Số: 0204/2026/CT-HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Thời gian họp: 09h00 ngày 24/04/2026.

Địa điểm họp: Tầng 1, Khối nhà B, số 88 Trần Thủ Độ, phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội.

STT	THỜI GIAN	CHI TIẾT
I	**09:00 – 09:10**	**ĐĂNG KÝ DỰ HỌP**
II	**09:10 – 09:50**	**KHAI MẠC**
1	09:10 - 09:20	Nghi thức khai mạc và giới thiệu thành phần tham dự.
2	09:20 – 09:25	Giới thiệu Ban kiểm tra tư cách cổ đông và công bố Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
3	09:25 – 09:30	Giới thiệu Chủ tọa, Thư ký và bầu Ban kiểm phiếu.
4	09:30 - 09:40	Trình bày và thông qua Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
5	09:40 - 09:50	Trình bày và thông qua Chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
III	**09:50 – 12:00**	**NỘI DUNG**
1	09:50-10:00	Trình bày, thảo luận và biểu quyết đối với Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026.
2	10:00-10:10	Trình bày, thảo luận và biểu quyết đối với Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của công ty và phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 của Công ty.
3	10:10-10:20	Trình bày, thảo luận và biểu quyết đối với Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2026.
4	10:20-10:30	Trình bày, thảo luận và biểu quyết đối với Tờ trình thông qua tổng mức thù lao cho Hội đồng Quản trị năm 2026

5	10:30-10:40	Trình bày, thảo luận và biểu quyết đối với Tờ trình thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026.
6	10:40-10:50	Trình bày, thảo luận và biểu quyết đối với Tờ trình thông qua việc thông qua và ban hành Điều Lệ của Công ty Cổ phần Quản lý qũy Sài Gòn.
7	10:50-11:00	Trình bày, thảo luận và biểu quyết đối với Tờ trình thông qua và ban hành mới Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Quản lý qũy Sài Gòn.
8	11:00-11:10	Trình bày, thảo luận và biểu quyết đối với Tờ trình thông qua và ban hành mới Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Quản lý qũy Sài Gòn.
9	11:10-11:20	Trình bày, thảo luận và biểu quyết đối với Tờ trình phê duyệt số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại của nhiệm kỳ 2024-2029 và thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với Bà Lê Thu Minh.
10	11:20-12:00	Ban kiểm phiếu công bố Biên bản kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
IV	**12:00 – 12:15**	**TỔNG KẾT VÀ BẾ MẠC**
1	12:00 - 12:10	Thông qua Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
2	12:10 – 12:15	Bế mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Nơi nhận:
- *Lưu: VT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN

Đỗ Duy Tân

SAIGON CAPITAL

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN
Trụ sở chính: Tầng 1, Khối nhà B, số 88 Trần Thủ Độ, phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội
Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 37/UBCK-GP ngày 28/08/2008 và các Giấy phép điều chỉnh
Mã số doanh nghiệp: 0305932511

Số: 0204/2026/TB-HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2026

THÔNG BÁO MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi: Ông/Bà: .....

Địa chỉ: .....

(Sau đây gọi là "**Quý Cổ Đông**")

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn trân trọng thông báo và kính mời Quý Cổ Đông đến dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn (sau đây gọi là "**Đại Hội**") theo thông tin cụ thể như sau:

1. **Thời gian họp:** 09h00 ngày 24/04/2026.
2. **Địa điểm họp:** Tầng 1, Khối nhà B, số 88 Trần Thủ Độ, phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội.
3. **Đối tượng dự họp:** Theo Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội.
4. **Chương trình, nội dung cuộc họp:** Theo Chương trình, nội dung cuộc họp Đại Hội.
5. **Yêu cầu đối với người dự họp:**

5.1. Quý Cổ Đông có thể trực tiếp dự họp hoặc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác dự họp. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác dự họp phải được lập thành văn bản theo mẫu Giấy ủy quyền đính kèm.

5.2. Để đăng ký dự họp, người dự họp cần xuất trình đầy đủ các giấy tờ sau đây:

a) Bản gốc Thông báo mời họp này (nếu có);

b) Bản gốc Căn cước hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực của người dự họp;

c) Trong trường hợp Quý Cổ Đông ủy quyền cho cá nhân khác dự họp theo quy định tại Mục 5.1 nêu trên, người dự họp cần xuất trình bản gốc Giấy ủy quyền;

d) Trong trường hợp Quý Cổ Đông ủy quyền cho tổ chức khác dự họp theo quy định tại Mục 5.1 nêu trên, người dự họp cần xuất trình:

(i) Bản gốc Giấy ủy quyền;

(ii) Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương của tổ chức được Quý Cổ Đông ủy quyền;

(iii) Bản gốc Văn bản ủy quyền hợp pháp, hợp lệ nếu người dự họp không phải người đại diện theo pháp luật của tổ chức được Quý Cổ Đông ủy quyền.

6. Tài liệu họp Đại Hội được đăng tải trên website của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn tại địa chỉ: http://www.saigoncapital.com.vn/. Quý Cổ Đông truy cập vào website theo đường dẫn nêu trên để tải tài liệu họp Đại Hội.

Kính mong Quý Cổ Đông thu xếp thời gian để dự họp đầy đủ và đúng giờ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- *Như: Kính gửi;*
- *Lưu: VT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN

Đỗ Duy Tân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

(V/v: dự họp, thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn)

Giấy ủy quyền này (sau đây gọi là "**Giấy Ủy Quyền**") được lập và ký vào ngày .../.../... với nội dung như sau:

I. BÊN ỦY QUYỀN:

Họ và tên:.....

CC/CCCD/Hộ chiếu: Số:.....do:.....cấp ngày:.....

Địa chỉ:.....

(Sau đây gọi là "**Bên Ủy Quyền**")

II. BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN:

[Trường hợp ủy quyền cho cá nhân]

Họ và tên:.....

CC/CCCD/Hộ chiếu: Số:.....do:.....cấp ngày:.....

Địa chỉ:.....

[Trường hợp ủy quyền cho tổ chức]

Tên tổ chức: .....

GCNĐKDN hoặc tương đương: Số:.....do:.....cấp ngày:.....

Địa chỉ:.....

Người đại diện hợp pháp của tổ chức: .....

(Sau đây gọi là "**Bên Được Ủy Quyền**")

III. NỘI DUNG ỦY QUYỀN:

1. XÉT RẰNG:

a) Bên Ủy Quyền là cổ đông của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn (sau đây gọi là "**SGC**") với thông tin cụ thể như sau:

Mã số cổ đông:.....

Số cổ phần sở hữu:.....cổ phần *(Bằng chữ:..... cổ phần)*

Loại cổ phần sở hữu:.....

b) Bên Ủy Quyền có quyền dự họp, phát biểu, biểu quyết và các quyền khác theo quy định của pháp luật tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của SGC (sau đây gọi là "**Đại Hội**").

2. **NAY,** bằng Giấy Ủy Quyền này, Bên Ủy Quyền đồng ý ủy quyền cho Bên Được Ủy Quyền được quyền đại diện Bên Ủy Quyền thực hiện các công việc sau đây với số lượng cổ phần được ủy quyền bằng toàn bộ số cổ phần của Bên Ủy Quyền được ghi nhận tại Mục III.1.a Giấy Ủy Quyền:

a) Dự họp Đại Hội vào ngày …/…/… hoặc vào một thời gian khác theo thông báo của SGC;

b) Thực hiện quyền thảo luận, phát biểu, biểu quyết và các quyền khác theo quy định của pháp luật tại Đại Hội;

c) Lập và ký bất kỳ văn bản, tài liệu, giấy tờ nào có liên quan đến việc thực hiện các công việc được ủy quyền nêu trên.

3. Bên Ủy Quyền đồng ý thừa nhận và công nhận giá trị pháp lý của toàn bộ các công việc, quyết định, hành động, văn bản, tài liệu, giấy tờ do Bên Được Ủy Quyền thực hiện, lập và ký trong phạm vi Giấy Ủy Quyền này.

4. Bên Được Ủy Quyền không được quyền ủy quyền lại cho bất kỳ bên thứ ba nào khác thực hiện các công việc được quy định tại Mục III.2 Giấy Ủy Quyền, trừ trường hợp được Bên Ủy Quyền đồng ý trước bằng văn bản.

5. Bên Ủy Quyền và Bên Được Ủy Quyền cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước SGC về Giấy Ủy Quyền; đồng thời, cam kết tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ SGC.

6. Giấy Ủy Quyền này có hiệu lực kể từ ngày …/…/… cho đến khi xảy ra một trong các trường hợp sau, tùy trường hợp nào đến trước:

a) Bên Ủy Quyền có văn bản thông báo đến SGC về việc chấm dứt Giấy Ủy Quyền trước ngày họp Đại Hội;

b) Bên Được Ủy Quyền hoàn tất các công việc được quy định tại Giấy Ủy Quyền;

c) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

BÊN ỦY QUYỀN	**BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

SAIGON CAPITAL

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN
Trụ sở chính: Tầng 1, Khối nhà B, số 88 Trần Thủ Độ, phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội
Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 37/UBCK-GP ngày 28/08/2008 và các Giấy phép điều chỉnh
Mã số doanh nghiệp: 0305932511

Số: 0204/2026/QC-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2026

QUY CHẾ TỔ CHỨC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1.1. Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 này (sau đây gọi là "**Quy Chế**") áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn (sau đây gọi là "**Đại Hội**").

1.2. Quy Chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn (sau đây gọi là "**Công Ty**") trong việc tổ chức Đại Hội; quyền và nghĩa vụ của cổ đông của Công Ty (sau đây gọi là "**Cổ Đông**"), đại diện của Cổ Đông và các bên dự họp Đại Hội; điều kiện và thể thức tiến hành Đại Hội.

1.3. Cổ Đông, đại diện của Cổ Đông và các bên dự họp Đại Hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy Chế này.

CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI DỰ HỌP ĐẠI HỘI

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông, đại diện của Cổ Đông

2.1. Điều kiện dự họp Đại Hội: Là Cổ Đông, đại diện của Cổ Đông và phù hợp với Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội. Cổ Đông và đại diện của Cổ Đông sau đây gọi chung là "**Đại Biểu**".

2.2. Cổ Đông có các quyền sau đây:

a) Được trực tiếp dự họp hoặc uỷ quyền cho cá nhân, tổ chức khác dự họp Đại Hội theo mẫu Giấy ủy quyền do Công Ty quy định;

b) Được thảo luận, phát biểu và biểu quyết đối với tất cả các nội dung, vấn đề tại Đại Hội, trừ các nội dung, vấn đề mà Cổ Đông không có quyền biểu quyết theo quy định pháp luật và Điều lệ Công Ty;

c) Được thông báo về nội dung, chương trình họp Đại Hội và các tài liệu kèm theo;

d) Được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết sau khi đăng ký dự họp Đại Hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông;

e) Nếu đến sau khi Đại Hội đã khai mạc, Cổ Đông có quyền đăng ký dự họp Đại Hội và tham gia biểu quyết tại Đại Hội đối với các nội dung, vấn đề chưa biểu quyết ngay sau khi đăng ký dự họp Đại Hội. Trong trường hợp này, Chủ tọa Đại Hội không có trách nhiệm dừng Đại Hội và kết quả của các nội dung đã biểu quyết trước đó vẫn giữ nguyên hiệu lực mà không bị ảnh hưởng;

f) Các quyền khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công Ty và Quy Chế.

2.3. Đại diện của Cổ Đông có các quyền theo quy định tại khoản 2.2 Điều này, trừ quyền được quy định tại điểm a khoản 2.2 Điều này.

2.4. Nghĩa vụ của Đại Biểu khi dự họp Đại Hội:

a) Đại Biểu, khi dự họp Đại Hội, phải mang theo đầy đủ các loại giấy tờ theo quy định tại Thông báo mời họp và đăng ký dự họp với Ban kiểm tra tư cách cổ đông;

b) Mặc trang phục lịch sự;

c) Việc ghi âm, ghi hình Đại Hội chỉ được thực hiện sau khi được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại Hội;

d) Thảo luận, phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại Hội và tôn trọng sự điều khiển của Chủ tọa Đại Hội;

e) Nghiêm túc chấp hành Quy Chế này, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại Hội;

f) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công Ty và Quy Chế.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

3.1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm 01 (một) Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông và có thể có các thành viên do Chủ tịch Hội đồng quản trị Công Ty (sau đây gọi là "**Chủ Tịch HĐQT**") quyết định nhằm thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

a) Kiểm tra tư cách Đại Biểu dự họp: Yêu cầu xuất trình các giấy tờ theo quy định tại Thông báo mời họp;

b) Phát tài liệu cho Đại Biểu: Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và các tài liệu họp liên quan khác;

c) Báo cáo trước Đại Hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại Hội tại các thời điểm sau:

(i) Khi khai mạc Đại Hội;

(ii) Trước mỗi lần biểu quyết của Đại Hội nếu có sự thay đổi về số Đại Biểu dự họp Đại Hội (do có Đại Biểu đến muộn đăng ký dự họp).

3.2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

4.1. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa Đại Hội đề nghị và được Đại Hội biểu quyết thông qua.

4.2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ phát phiếu, thu phiếu, kiểm phiếu, tổng kết, tính toán và

loại trừ phiếu của các Đại Biểu không có quyền biểu quyết (nếu có) cho từng nội dung, vấn đề biểu quyết.

4.3. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố trước Đại Hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại Hội, Thư ký Đại Hội

5.1. Đại Hội sẽ do Chủ Tịch HĐQT làm Chủ tọa Đại Hội. Chủ tọa Đại Hội có chức năng điều khiển Đại Hội.

5.2. Trường hợp Chủ Tịch HĐQT vắng mặt thì phải ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị Công Ty (sau đây gọi là "**HĐQT**") làm chủ tọa và điều hành Đại Hội. Nếu không ủy quyền, các thành viên HĐQT còn lại bầu ra một người trong số họ làm Chủ tọa Đại Hội theo nguyên tắc đa số.

5.3. Chủ tọa Đại Hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển Đại Hội một cách hợp lệ và có trật tự, đúng theo chương trình họp Đại Hội và phản ánh được mong muốn của đa số Đại Biểu dự họp.

5.4. Chủ tọa Đại Hội có quyền hoãn Đại Hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty) hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các Đại Biểu dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết; và/hoặc

c) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

5.5. Chủ tọa Đại Hội cử một hoặc một số người làm Thư ký Đại Hội. Thư ký Đại Hội có trách nhiệm lập Biên bản họp Đại Hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa Đại Hội.

CHƯƠNG III
ĐIỀU KIỆN, THỂ THỨC VÀ TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 6. Điều kiện tiến hành Đại Hội

6.1. Đại Hội được tiến hành khi có số Đại Biểu dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.

6.2. Trường hợp Đại Hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định nêu trên thì việc triệu tập và tiến hành Đại Hội các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.

Điều 7. Tiến hành Đại Hội

7.1. Đại Hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự Chương trình, nội dung cuộc họp Đại Hội đã được Đại Hội thông qua.

7.2. Đại Hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung, vấn đề tại Chương trình, nội dung cuộc họp Đại Hội theo hình thức biểu quyết được quy định tại Điều 10 của Quy

Chế này.

7.3. Đại Hội bế mạc sau khi Biên bản họp Đại Hội và Nghị quyết Đại Hội được thông qua.

Điều 8. Điều kiện để Nghị quyết Đại Hội được thông qua

Nghị quyết Đại Hội được thông qua khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.

Điều 9. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết

9.1. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được phát cho các Đại Biểu.

9.2. Phiếu biểu quyết ghi rõ các thông tin sau đây: Họ và tên Đại Biểu; Mã số cổ đông; Số cổ phần có quyền biểu quyết sở hữu; Số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền; Tổng số phiếu biểu quyết; Từng nội dung, vấn đề biểu quyết cần thông qua tại Đại Hội với ba ô vuông để trống tương ứng với các phương án "Tán thành", "Không tán thành" và "Không có ý kiến".

9.3. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết phải được đóng dấu của Công Ty.

Điều 10. Thể thức biểu quyết thông qua các nội dung, vấn đề tại Đại Hội

Việc biểu quyết đối với các nội dung, vấn đề tại Đại Hội, tùy trường hợp, sẽ được thực hiện theo các hình thức dưới đây:

10.1. Sử dụng Phiếu biểu quyết để bỏ phiếu:

a) Các nội dung biểu quyết được ghi trong Phiếu biểu quyết sẽ được Đại Biểu biểu quyết bằng việc đánh dấu lựa chọn một trong các phương án "Tán thành" hoặc "Không tán thành" hoặc "Không có ý kiến" vào từng ô bên cạnh nội dung, vấn đề cần biểu quyết.

b) Đại Biểu thực hiện bỏ phiếu theo nguyên tắc sau:

(i) Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi khai mạc Đại Hội và kết thúc khi hết thời gian bỏ phiếu theo thông báo của Chủ tọa Đại Hội hoặc Ban kiểm phiếu. Sau khi kết thúc thời gian bỏ phiếu, những Đại Biểu không tham gia bỏ phiếu được coi như không có ý kiến;

(ii) Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.

c) Các Phiếu biểu quyết sau đây sẽ bị coi là không hợp lệ và sẽ không được tính:

(i) Phiếu biểu quyết không theo mẫu do Ban tổ chức Đại Hội phát ra và/hoặc không có dấu của Công Ty;

(ii) Phiếu biểu quyết bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa;

(iii) Phiếu biểu quyết không có đầy đủ chữ ký của Đại Biểu dự họp;

(iv) Phiếu biểu quyết ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu; và/hoặc

(v) Phiếu biểu quyết bỏ trống toàn bộ các phương án hoặc ghi nhiều ý kiến khác nhau hoặc chọn nhiều hơn một phương án "Tán thành" hoặc "Không tán thành" hoặc "Không có ý kiến" trong cùng một nội dung,

vấn đề biểu quyết.

Việc biểu quyết đối với từng nội dung, vấn đề cần thông qua trong Phiếu biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung, vấn đề này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung, vấn đề biểu quyết khác.

d) Trường hợp Đại Biểu, trong quá trình ghi Phiếu biểu quyết, bị nhầm lẫn nhưng chưa bỏ vào thùng phiếu và chưa hết thời hạn bỏ phiếu thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng Ban kiểm phiếu để đổi lại Phiếu biểu quyết.

10.2. Sử dụng Thẻ biểu quyết để biểu quyết trực tiếp:

a) Việc biểu quyết trực tiếp được áp dụng đối với các trường hợp không áp dụng hình thức biểu quyết quy định tại khoản 10.1 Điều này và theo quyết định của Chủ tọa Đại Hội.

b) Trường hợp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp, Đại Biểu thực hiện biểu quyết về các nội dung, vấn đề bằng cách giơ Thẻ biểu quyết của mình lên hoặc bằng hình thức khác theo sự điều khiển của Chủ tọa Đại Hội. Ban kiểm phiếu sẽ ghi lại số phiếu "Tán thành", "Không tán thành" và "Không có ý kiến" để công bố kết quả biểu quyết trước Đại Hội.

Điều 11. Quy định việc kiểm phiếu đối với hình thức biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu

11.1. Quy trình kiểm phiếu:

a) Ban kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử trong việc kiểm phiếu;

b) Kiểm tra tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết;

c) Kiểm tra lần lượt từng Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu;

d) Tính toán và loại bỏ số cổ phiếu không được quyền biểu quyết (nếu có) ở từng nội dung, vấn đề biểu quyết; và

e) Niêm phong toàn bộ Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết và bàn giao lại cho Chủ tọa Đại Hội.

11.2. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:

a) Ban kiểm phiếu lập Biên bản kiểm phiếu;

b) Nội dung Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:

(i) Thời gian, địa điểm tiến hành việc kiểm phiếu;

(ii) Thành phần Ban kiểm phiếu;

(iii) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng nội dung, vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ: Phương thức biểu quyết; Tổng số phiếu hợp lệ; Tổng số phiếu không hợp lệ; Tổng số phiếu "Tán thành"; Tổng số phiếu "Không tán

thành"; Tổng số phiếu "Không có ý kiến";

(iv) Chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu.

Điều 12. Phát biểu ý kiến tại Đại Hội

12.1. Đại Biểu dự họp, khi có nhu cầu phát biểu ý kiến, phải giơ Thẻ biểu quyết và chỉ phát biểu sau khi được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại Hội.

12.2. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại Hội; không phát biểu lại những ý kiến đã được người khác phát biểu và chỉ các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình họp Đại Hội mới được ghi vào Biên bản họp Đại Hội.

Điều 13. Biên bản họp Đại Hội

13.1. Nội dung Đại Hội được lập thành Biên bản họp Đại Hội. Chủ tọa Đại Hội và Thư ký Đại Hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản họp Đại Hội.

13.2. Biên bản họp Đại Hội phải được công bố trước Đại Hội và được Đại Hội thông qua trước khi bế mạc Đại Hội.

13.3. Biên bản họp Đại Hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, Biên bản kiểm phiếu và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại Hội phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 14. Nghị quyết Đại Hội

Căn cứ kết quả biểu quyết tại Đại Hội, Chủ tọa Đại Hội lập Nghị quyết Đại Hội và công bố trước Đại Hội để Đại Hội thông qua.

CHƯƠNG IV
HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành của Quy Chế

15.1. Quy Chế này gồm 04 (bốn) chương, 15 (mười lăm) điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại Hội thông qua.

15.2. Quy Chế này có thể sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm trên cơ sở đề xuất của HĐQT và phải được Đại Hội thông qua.

Nơi nhận:
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN

Đỗ Duy Tân

SAIGON CAPITAL

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN
Trụ sở chính: Tầng 1, Khối nhà B, số 88 Trần Thủ Độ,
phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội
Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 37/UBCK-GP
ngày 28/08/2008 và các Giấy phép điều chỉnh
Mã số doanh nghiệp: 0305932511

Số: […]/2026/BBKT-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày [...] tháng [...] năm 2026

BIÊN BẢN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Hôm nay, ngày […] tháng […] năm […], tại địa chỉ Tầng 1, Khối nhà B, số 88 Trần Thủ Độ, phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông bao gồm:

- Ông/Bà: […] - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông;
- Ông/Bà: […] - Thành viên Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

Ban kiểm tra tư cách cổ đông đã tiến hành kiểm tra tư cách của các cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn (sau đây gọi là "**Đại Hội**") và xin báo cáo kết quả kiểm tra như sau:

Tính đến thời điểm […] ngày […] tháng […] năm […], tổng số cổ đông đăng ký dự họp Đại Hội là […] ([…]) cổ đông, trong đó:

- 100% cổ đông đăng ký dự họp đều là cổ đông của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn (sau đây gọi là "**SGC**") và phù hợp với Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội;
- […] ([…]) cổ đông đăng ký dự họp nêu trên đại diện cho […]% tổng số phiếu biểu quyết.

Căn cứ quy định pháp luật và Điều lệ SGC, Đại Hội đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được tiến hành.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- *Lưu: VT.*

TM. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
TRƯỞNG BAN

SAIGON CAPITAL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2026

MẪU

THẺ BIỂU QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

MÃ SỐ CỔ ĐÔNG

Họ và tên cổ đông/đại diện của cổ đông:.....

Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết:.....cổ phần

Trong đó:

- Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết sở hữu:.....cổ phần;
- Số lượng cổ phần được ủy quyền:.....cổ phần.

SAIGON CAPITAL

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày …… tháng …… năm 2026

MẪU

PHIẾU BIỂU QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Họ và tên cổ đông/đại diện của cổ đông:.....

Mã số cổ đông:.....

Số CC/CCCD/Hộ chiếu/GCNĐKKD: .....

Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết:.....

Trong đó:

- Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết sở hữu: cổ phần;
- Số lượng cổ phần được ủy quyền:..... ..cổ phần.

Cổ đông/đại diện của cổ đông đánh dấu vào ô lựa chọn theo từng nội dung biểu quyết dưới đây:

STT	NỘI DUNG BIỂU QUYẾT	TÁN THÀNH	KHÔNG TÁN THÀNH	KHÔNG CÓ Ý KIẾN
1	Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026.			
2	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 của Công ty.			
3	Thông qua Phê duyệt Danh sách công ty kiểm toán độc lập năm 2026 và thông qua việc ủy quyền, giao, phân công quyết định lựa chọn công ty kiểm toán.			
4	Thông qua Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị của Công ty năm 2026.			
5	Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn.			
6	Thông qua và ban hành mới Điều lệ Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn.			

7	Thông qua và ban hành mới Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn.			
8	Thông qua và ban hành mới Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn.			
9	Thông qua phê duyệt số lượng thành viên HĐQT còn lại của nhiệm kì 2024-2029 và thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với Bà Lê Thu Minh .			

Cổ đông/Đại diện của cổ đông

(Ký và ghi rõ họ tên)

SAIGON CAPITAL

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN
Trụ sở chính: Tầng 1, Khối nhà B, số 88 Trần Thủ Độ, phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội
Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 37/UBCK-GP ngày 28/08/2008 và các Giấy phép điều chỉnh
Mã số doanh nghiệp: 0305932511

Số: 0204/2026/BCHĐQT-SGC

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn (sau đây gọi là "**HĐQT**"), tình hình hoạt động trong năm 2025 và chủ trương, định hướng trong năm 2026 của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn (sau đây gọi là "**Công Ty**" hoặc "**SGC**"), HĐQT báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn (sau đây gọi là "**ĐHĐCĐ**") xem xét, thông qua ***Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2025 và định hướng năm 2026*** với nội dung chi tiết như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. SGC là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, có trụ sở tại: Tầng 1, Khối nhà B, số 88 Trần Thủ Độ, phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội.

2. SGC đã được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 37/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/08/2008 và các Giấy phép điều chỉnh; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305932511 do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 28/08/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 09/03/2026.

3. Vốn điều lệ của Công Ty tính đến hết ngày 31/12/2025 là: **43.800.000.000 đồng** ***(Bằng chữ: Bốn mươi ba tỷ tám trăm triệu đồng)***.

4. HĐQT hiện gồm có 04 (bốn) thành viên bao gồm:

- Ông Đỗ Duy Tân – Chủ tịch HĐQT;
- Bà Lê Thu Minh – Thành viên HĐQT;
- Bà Trần Thị Thu Trang – Thành viên HĐQT;
- Bà Nguyễn Cẩm Vân – Thành viên HĐQT.

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2025

Dưới sự chỉ đạo, quản lý, điều hành của HĐQT và Tổng Giám đốc, cùng với sự quyết tâm của toàn thể đội ngũ cán bộ, nhân viên, SGC đã hoàn tất các chỉ tiêu kinh doanh đề ra và hoàn thành tốt công tác quản trị, quản lý, điều hành Công Ty với kết quả cụ thể như sau:

1. **Báo cáo kết quả kinh doanh của Công Ty năm 2025:**

Khoản/mục	Đơn vị	Giá trị (VNĐ)
Tổng tài sản	Đồng	77.663.240.807
Doanh thu	Đồng	8.957.961.180
Lợi nhuận trước thuế: - Lợi nhuận trước thuế đã thực hiện - Lợi nhuận trước thuế chưa thực hiện	Đồng	8.601.658.757
Lợi nhuận sau thuế: - Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện - Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện	Đồng	7.139.376.768

Năm 2025, chứng kiến những biến động mạnh mẽ về bối cảnh kinh tế và địa chính toàn cầu. Tăng trưởng kinh tế có cải thiện, nhưng sự phân hóa giữa các khu vực ngày càng rõ rệt. Trong khi các nền kinh tế phát triển thu hút dòng vốn mạnh mẽ, các nền kinh tế đang phát triển phải đối mặt với sự phục hồi chậm chạp và dòng vốn tháo chạy. Mặc dù chịu tác động lớn từ bối cảnh toàn cầu, thị trường chứng khoán Việt Nam khép lại năm 2025 với mức tăng trưởng 40,87% tính theo chỉ số VN-Index, đạt gần 1.800 điểm, ghi nhận mức tăng cao thứ 2 trong giai đoạn 2017-2025. Giá trị giao dịch bình quân đạt gần 29.500 tỷ/phiên, tăng hơn 40% so với năm 2024. Tổng giá trị vốn hóa cả 03 (ba) sàn giao dịch chứng khoán đạt gần 10 (mười) triệu tỷ đồng, tương đương khoảng 70% GDP.

Trước tình hình thế giới nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng, SGC lựa chọn tiếp tục phát triển các sản phẩm truyền thống, tối ưu hóa lợi nhuận và mang đến sự an toàn cao cho khách hàng. Tổng giá trị danh mục đầu tư ủy thác tại thời điểm ngày 31/12/2025 mà Công Ty đang quản lý là **30.151.019.252.300** VNĐ *(Bằng chữ: Ba mươi nghìn tỉ, một trăm năm mươi mốt tỷ, không trăm mười chín triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn, ba trăm đồng chẵn./)*. Tại thời điểm ngày 31/12/2025, tổng tài sản của Công Ty đạt giá trị: **77.663.240.807 VNĐ** *(Bằng chữ: Bảy mươi bảy tỷ, sáu trăm sáu mươi ba triệu, hai trăm bốn mươi nghìn, tám trăm linh bảy nghìn đồng./)* lợi nhuận trước thuế đạt: **8.601.658.757VNĐ** *(Bằng chữ: Tám tỷ, sáu trăm linh một triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi bảy đồng chẵn./)*

Trong năm 2025, Công Ty tiếp tục quản lý Quỹ Đầu tư Thành viên SGC với tổng giá trị tài sản ròng tại ngày 31/12/2025 là: **66.723.432.109 VNĐ** *(Bằng chữ: Sáu mươi sáu tỷ, bảy trăm hai mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi hai nghìn, một trăm linh chín đồng*

chẵn./) (tăng trưởng 4,14% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ Đầu tư Thành viên SGC tại thời điểm ngày 31/12/2024).

2. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công Ty và tình hình quản trị Công Ty năm 2025:

Công tác quản lý vốn và tài sản, quản lý chất lượng, quản lý đầu tư, quản lý lao động theo đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ SGC và các quy định nội bộ của SGC.

Trong năm 2025, HĐQT đã hoàn thành tốt công tác quản lý, quản trị Công Ty. HĐQT định hướng và chỉ đạo, đảm bảo sự điều hành không chồng chéo; các quy định nội bộ của SGC được ban hành phù hợp với Điều lệ SGC và các quy định hiện hành của pháp luật, cụ thể:

- Công tác hoạch định chính sách, chỉ đạo quản lý tuân thủ các quy định của SGC, các quy định hiện hành của pháp luật.
- Các văn bản, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty liên tục được rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu vận hành thực tế trong công tác quản lý kinh doanh.
- Kết quả là trong năm 2025, Công Ty đã bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu, hoạt động kinh doanh hiệu quả, luôn đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính ở mức cao cũng như hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước và cổ đông.

III. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT NĂM 2025

1. Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2025:

- Với vai trò là đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2025, HĐQT đã đưa ra định hướng và cùng với Tổng Giám đốc chỉ đạo, điều hành phê duyệt các dự án về nâng cao năng lực chuyên môn; năng lực về chuyển đổi số và hệ thống các sản phẩm mới phục vụ nhu cầu của khách hàng.
- HĐQT đã thường xuyên kiểm tra tình hình, đôn đốc Tổng Giám đốc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT; phối hợp với Tổng Giám đốc kịp thời có các biện pháp điều chỉnh phù hợp với hoạt động kinh doanh và kiện toàn bộ máy quản trị doanh nghiệp theo các thông lệ tốt.
- Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, trên cơ sở bám sát tình hình thực tế của Công Ty, các thành viên biểu quyết các vấn đề cần được thông qua theo nguyên tắc đa số để ban hành các Nghị quyết, Quyết định phê duyệt theo thẩm quyền của HĐQT.
- Các cuộc họp HĐQT đều có sự tham gia của đầy đủ số lượng thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty. HĐQT thực hiện các nguyên tắc làm

việc theo chế độ tập thể, đa số tán thành. Các Nghị quyết và quyết định của HĐQT được thông qua khi đa số thành viên HĐQT biểu quyết tán thành.

2. Báo cáo kết quả hoạt động của từng thành viên HĐQT năm 2025:

Bên cạnh việc hoàn thành các trách nhiệm chung của HĐQT, các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được phân công, cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ SGC trong việc triệu tập, tổ chức họp cũng như phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên HĐQT; chủ trì toàn diện công tác quản trị hoạt động của Công Ty; tổ chức họp HĐQT tối thiểu mỗi quý 01 (một) lần để rà soát, đánh giá tình hình hoạt động của Công Ty cũng như đánh giá và phân công các nhiệm vụ triển khai trong thời gian tiếp theo của từng thành viên HĐQT.
- Từng thành viên HĐQT đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo phân công của Chủ tịch HĐQT; tham dự các cuộc họp HĐQT, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về quyết định của mình. Triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và có trách nhiệm giải trình trước ĐHĐCĐ, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu. Bên cạnh đó, các thành viên HĐQT đã có những đánh giá, đóng góp, ý kiến sáng tạo, kịp thời đối với hoạt động chung của HĐQT nhằm thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của HĐQT theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định tại Điều lệ SGC.

3. Báo cáo về việc thực hiện một số nội dung, công việc khác:

- Việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập: HĐQT đã thực hiện theo nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 là lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập đáp ứng đủ điều kiện thuộc danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 được tổ chức vào ngày 21/10/2025. ĐHĐCĐ đã nhất trí thông qua bầu Ông Đỗ Duy Tân là Chủ tịch HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2024-2029.

4. Kết quả hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác:

- Tổng Giám đốc đã chủ động và nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ đã thông qua.

- Thực hiện quy định của pháp luật, Điều lệ SGC, Nghị quyết của HĐQT, tiếp thu và triển khai các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp theo chỉ đạo của HĐQT. Tình hình tài chính về cơ bản được kiểm soát tốt.
- HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong việc điều hành các cán bộ, nhân viên của Công Ty trong việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quản trị doanh nghiệp và nhiệm vụ kinh doanh của Công Ty.
- Giám sát việc quản lý, sử dụng và đầu tư tài sản; giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Chỉ đạo, giám sát việc đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật; điều kiện môi trường làm việc, thực hiện Thỏa ước lao động tập thể, các chế độ khác đối với người lao động.

PHẦN THỨ HAI
ĐỊNH HƯỚNG, KẾ HOẠCH NĂM 2026

I. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ VẬN HÀNH NĂM 2026

1. HĐQT tiếp tục chỉ đạo định hướng cho Tổng Giám đốc về các giải pháp tăng trưởng kinh doanh cốt lõi, mở rộng mạng lưới khách hàng và liên tục nghiên cứu sản phẩm dịch vụ mới.
2. Triển khai các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả của bộ máy quản trị rủi ro, đảm bảo tăng trưởng bền vững.
3. Nghiên cứu đổi mới các giải pháp về công nghệ vượt trội, tự động hóa và tối ưu hóa trong hầu hết các mảng nghiệp vụ hỗ trợ vận hành nói chung, nâng cấp năng lực quản trị rủi ro, tạo lợi thế cạnh tranh cho SGC.
4. Lấy khách hàng làm trung tâm, đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao năng lực tài chính, khai thác hiệu quả các nguồn lực; quản trị và tiết kiệm chi phí hiệu quả, kiểm soát tốc độ tăng của chi phí thấp hơn tốc độ tăng thu nhập.
5. Nâng cao trải nghiệm khách hàng, góp phần thu hút và gắn kết khách hàng với SGC một cách bền vững.
6. Chỉ tiêu kinh doanh trong năm 2026 như sau:

   Tổng lợi nhuận trước thuế: **4.000.000.000** VNĐ *(Bằng chữ: Bốn tỷ đồng chẵn)*.

II. NÂNG CAO NĂNG LỰC TỔ CHỨC VÀ KIỆN TOÀN ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

1. Nâng cao và hoàn thiện năng lực kinh doanh trên diện rộng.
2. Đào tạo và phát triển đội ngũ lãnh đạo, đội ngũ chuyên gia có những năng lực vượt trội để đáp ứng với định hướng phát triển của SGC cho hiện tại và tương lai.
3. Củng cố văn hóa của SGC, duy trì năng lực đổi mới sáng tạo không ngừng của mỗi cán bộ, nhân viên.

4. Tiếp tục kiện toàn mô hình tổ chức, thực hiện tinh gọn đội ngũ, nâng cao chất lượng nguồn lực cũng như thúc đẩy nâng cao năng suất lao động.

Trên đây là toàn văn ***Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2025 và định hướng năm 2026***. Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- *Như: Kính gửi;*
- *Lưu: VT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

S.G.P: 31 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN
P. YÊN SỞ - T.P HÀ NỘI

Đỗ Duy Tâm

SAIGON CAPITAL

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN
Trụ sở chính: Tầng 1, Khối nhà B, số 88 Trần Thủ Độ, phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội
Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 37/UBCK-GP ngày 28/08/2008 và các Giấy phép điều chỉnh
Mã số doanh nghiệp: 0305932511

Số: 01/2026/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán và Phương án phân phối đối với lợi nhuận năm 2025)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn;*

Trên cơ sở các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tiễn của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn (sau đây gọi là "**SGC**"), Hội đồng quản trị SGC kính trình Đại hội đồng cổ đông SGC xem xét, thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của SGC và Phương án phân phối đối với lợi nhuận năm 2025 của SGC, cụ thể như sau:

1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của SGC:

Báo cáo tài chính năm 2025 của SGC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (sau đây gọi là "**BCTC kiểm toán năm 2025**"), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:

(i) Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc.

(ii) Báo cáo kiểm toán độc lập.

(iii) Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025.

(iv) Báo cáo kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

(v) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

(vi) Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu kết thúc ngày 31/12/2025.

(vii) Thuyết minh BCTC tại ngày 31/12/2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Một số chỉ tiêu cơ bản được ghi nhận như sau:

Khoản/mục	Đơn vị	Giá trị
Tổng tài sản	Đồng	77.663.240.807
Doanh thu	Đồng	8.957.961.180
Lợi nhuận trước thuế: - Lợi nhuận trước thuế đã thực hiện - Lợi nhuận trước thuế chưa thực hiện	Đồng	 8.601.658.757
Lợi nhuận sau thuế: - Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện - Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện	Đồng	 7.139.376.768

Toàn văn BCTC kiểm toán năm 2025 đã được SGC công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên trang thông tin điện tử (website) của SGC tại đường dẫn: http://www.saigoncapital.com.vn/

2. Thông qua Phương án phân phối đối với lợi nhuận năm 2025 của SGC:

Căn cứ BCTC kiểm toán năm 2025, Hội đồng quản trị SGC kính trình Đại hội đồng cổ đông SGC thông qua Phương án phân phối đối với lợi nhuận năm 2025 của SGC, chi tiết như sau:

(i) Không chia cổ tức cho cổ đông;

(ii) Toàn bộ lợi nhuận sau thuế năm 2025 và số dư lợi nhuận sau thuế tại ngày 31/12/2025 sẽ được sử dụng nhằm phục vụ cho các hoạt động kinh doanh, tái đầu tư của SGC, cụ thể bao gồm:

Lợi nhuận sau thuế năm 2025 : **7.139.376.768 VNĐ**

Số dư lợi nhuận sau thuế tại ngày 31/12/2025 : **32.610.063.024 VNĐ**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông SGC xem xét, cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- *Như: Kính gửi;*
- *Lưu: VT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN

Đỗ Duy Tân

SAIGON CAPITAL

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN
Trụ sở chính: Tầng 1, Khối nhà B, số 88 Trần Thủ Độ, phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội
Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 37/UBCK-GP ngày 28/08/2008 và các Giấy phép điều chỉnh
Mã số doanh nghiệp: 0305932511

Số: 02/2026/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

(V/v: Phê duyệt Danh sách công ty kiểm toán độc lập và thông qua việc ủy quyền, giao, phân công quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn;*

Nhằm phục vụ cho công tác kiểm toán, soát xét các báo cáo của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn (sau đây gọi là "**SGC**") trong năm 2026, Hội đồng quản trị SGC kính trình Đại hội đồng cổ đông SGC xem xét và phê duyệt, thông qua các nội dung như sau:

1. Phê duyệt ***Danh sách công ty kiểm toán độc lập*** sau đây (dựa trên danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận) để xem xét, lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và/hoặc soát xét các Báo cáo tài chính, các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và các báo cáo khác (nếu có) của SGC trong năm 2026:

STT	Danh sách công ty kiểm toán độc lập
1	Công ty TNHH Enst & Young Việt Nam (E&Y)
2	Công ty TNHH PWC Việt Nam (PWC)
3	Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC)

2. Thông qua việc uỷ quyền, giao, phân công cho Hội đồng quản trị SGC, căn cứ vào các tiêu chí về chất lượng, uy tín, chi phí và sự hỗ trợ của các công ty kiểm toán độc lập đối với SGC, quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thuộc ***Danh sách công ty kiểm toán độc lập*** được phê duyệt tại Mục 1 nêu trên để thực hiện kiểm toán và/hoặc soát xét các Báo cáo tài chính, các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và các báo cáo khác (nếu có) của SGC trong năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông SGC xem xét, cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- *Như: Kính gửi;*
- *Lưu:VT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN

Đỗ Duy Tân

SAIGON CAPITAL

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN
Trụ sở chính: Tầng 1, Khối nhà B, số 88 Trần Thủ Độ, phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội
Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 37/UBCK-GP ngày 28/08/2008 và các Giấy phép điều chỉnh
Mã số doanh nghiệp: 0305932511

Số: 03/2026/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị năm 2026)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn;*

Trên cơ sở các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tiễn của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn (sau đây gọi là "**SGC**"), Hội đồng quản trị SGC kính trình Đại hội đồng cổ đông SGC xem xét, thông qua tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị SGC năm 2026, cụ thể như sau:

Tổng mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị SGC tối đa không vượt quá 0,1% lợi nhuận sau thuế năm 2026 của SGC. Đại hội đồng cổ đông SGC ủy quyền, giao, phân công cho Hội đồng quản trị SGC quyết định mức phân bổ cụ thể đối với từng thành viên Hội đồng quản trị SGC.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông SGC xem xét, cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- *Như: Kính gửi;*
- *Lưu: VT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN

Đỗ Duy Tân

SAIGON CAPITAL

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN
Trụ sở chính: Tầng 1, Khối nhà B, số 88 Trần Thủ Độ, phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội
Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 37/UBCK-GP ngày 28/08/2008 và các Giấy phép điều chỉnh
Mã số doanh nghiệp: 0305932511

Số: 04/2026/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2026)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn;*

Trên cơ sở các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tiễn của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn (sau đây gọi là "**SGC**"), Hội đồng quản trị SGC kính trình Đại hội đồng cổ đông SGC xem xét và thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của SGC và các nội dung có liên quan, cụ thể như sau:

1. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của SGC như sau:

Tổng lợi nhuận trước thuế: 4.000.000.000 VNĐ *(Bằng chữ: Bốn tỷ đồng chẵn./.)*

2. Thông qua việc ủy quyền, giao, phân công cho Hội đồng quản trị SGC thực hiện các công việc sau đây:

(i) Chỉ đạo, tổ chức, phân công triển khai thực hiện Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của SGC đã được Đại hội đồng cổ đông SGC thông qua;

(ii) Xem xét, điều chỉnh Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của SGC cho phù hợp khi Hội đồng quản trị SGC xét thấy cần thiết và/hoặc khi phát sinh các vấn đề ảnh hưởng đến khả năng hoàn thành Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của SGC;

(iii) Việc ủy quyền, giao, phân công được quy định tại Mục 2 này có hiệu lực kể từ thời điểm được Đại hội đồng cổ đông SGC thông qua cho đến khi kết thúc năm tài chính 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông SGC xem xét, cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- *Như: Kính gửi;*
- *Lưu: VT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đỗ Duy Tân

SAIGON CAPITAL

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN
Trụ sở chính: Tầng 1, Khối nhà B, số 88 Trần Thủ Độ, phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội
Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 37/UBCK-GP ngày 28/08/2008 và các Giấy phép điều chỉnh
Mã số doanh nghiệp: 0305932511

Số: 05/2026/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua và ban hành Điều lệ Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn;*

Trên cơ sở các quy định của pháp luật và nhằm đáp ứng các nhu cầu thực tiễn trong công tác tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn (sau đây gọi là "**SGC**"), Hội đồng quản trị SGC đã tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Điều lệ SGC và kính trình Đại hội đồng cổ đông SGC xem xét, thông qua các nội dung như sau:

1. Thông qua và ban hành ***Điều lệ Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn*** với nội dung như bản dự thảo kèm theo Tờ trình này.

2. Giao cho Hội đồng quản trị SGC quyết định ban hành ***Điều lệ Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn*** được nêu tại Mục 1 nêu trên sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông SGC thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông SGC xem xét, cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- *Như: Kính gửi;*
- *Lưu: VT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN

Đỗ Duy Tân

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN

Ngày ….. tháng 4 năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU **3**
CĂN CỨ PHÁP LÝ **3**
Điều 1. Giải Thích Từ Ngữ 3
Điều 2. Tên Công Ty 4
Điều 3. Hình Thức Sở Hữu Và Phạm Vi Trách Nhiệm 4
Điều 4. Địa Chỉ Trụ Sở Chính, Trụ Sở Chi Nhánh Và Văn Phòng Đại Diện Tại Việt Nam 5
Điều 5. Nghiệp Vụ Kinh Doanh Chứng Khoán 5
Điều 6. Thời Hạn Hoạt Động 5
Điều 7. Người Đại Diện Theo Pháp Luật 5
CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG - THÀNH VIÊN GÓP VỐN - CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY **6**
Điều 8. Vốn Điều Lệ Và Thay Đổi Vốn Điều Lệ 6
Điều 9. Các Loại Cổ Phần 7
Điều 10. Quyền Của Cổ Đông Phổ Thông 7
Điều 11. Nghĩa Vụ Của Cổ Đông 9
Điều 12. Cổ Phần Ưu Đãi Biểu Quyết Và Quyền Của Cổ Đông Sở Hữu Cổ Phần Ưu Đãi Biểu Quyết 9
Điều 13. Cổ Phần Ưu Đãi Cổ Tức Và Quyền Của Cổ Đông Sở Hữu Cổ Phần Ưu Đãi Cổ Tức 10
Điều 14. Cổ Phần Ưu Đãi Hoàn Lại Và Quyền Của Cổ Đông Sở Hữu Cổ Phần Ưu Đãi Hoàn Lại 10
Điều 15. Cổ Phiếu 11
Điều 16. Sổ Đăng Ký Cổ Đông 12
Điều 17. Cổ Đông 12
Điều 18. Chào Bán Và Chuyển Nhượng Cổ Phần 13
Điều 19. Mua Lại Cổ Phần 14
Điều 20. Điều Kiện Thanh Toán Và Xử Lý Các Cổ Phần Được Mua Lại 15
Điều 21. Trả Cổ Tức 16
Điều 22. Thừa Kế Cổ Phần 17
Điều 23. Chào Bán Trái Phiếu 17
Điều 24. Thu Hồi Tiền Thanh Toán Cổ Phần Mua Lại Hoặc Cổ Tức 17
CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY **17**
Điều 25. Cơ Cấu Tổ Chức Quản Lý Công Ty 17
Điều 26. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Đại Hội Đồng Cổ Đông 17
Điều 27. Cuộc Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông Và Triệu Tập Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 18
Điều 28. Danh Sách Cổ Đông Có Quyền Dự Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 20
Điều 29. Chương Trình Và Nội Dung Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 20
Điều 30. Mời Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 21
Điều 31. Thực Hiện Quyền Dự Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 22
Điều 32. Điều Kiện Tiến Hành Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 22
Điều 33. Thể Thức Tiến Hành Họp Và Biểu Quyết Tại Cuộc Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 22
Điều 34. Hình Thức Thông Qua Nghị Quyết Của Đại Hội Đồng Cổ Đông 24
Điều 35. Điều Kiện Để Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông Được Thông Qua 24
Điều 36. Thẩm Quyền Và Thể Thức Lấy Ý Kiến Cổ Đông Bằng Văn Bản Để Thông Qua Nghị Quyết Của Đại Hội Đồng Cổ Đông 25
Điều 37. Biên Bản Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 27
Điều 38. Yêu Cầu Hủy Bỏ Nghị Quyết Của Đại Hội Đồng Cổ Đông 28
Điều 39. Hiệu Lực Của Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông 29
Điều 40. Hội Đồng Quản Trị 29
Điều 41. Thành Viên Hội Đồng Quản Trị 31
Điều 42. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị 32

Điều 43. Miễn Nhiệm, Bãi Nhiệm, Thay Thế Và Bổ Sung Thành Viên Hội Đồng Quản Trị 33
Điều 44. Cuộc Họp Hội Đồng Quản Trị.....33
Điều 45. Biên Bản Họp Hội Đồng Quản Trị 35
Điều 46. Quyền Được Cung Cấp Thông Tin Của Hội Đồng Quản Trị 36
Điều 47. Công Khai Các Lợi Ích Liên Quan 36
Điều 48. Trách Nhiệm Của Người Quản Lý Công Ty 37
Điều 49. Quyền Khởi Kiện Đối Với Thành Viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc 38
Điều 50. Chấp Thuận Hợp Đồng, Giao Dịch Giữa Công Ty Với Người Có Liên Quan 38
Điều 51. Ban Kiểm Soát 39
Điều 52. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Ban Kiểm Soát.....40
Điều 53. Kiểm Soát Viên.....41
Điều 54. Quyền Được Cung Cấp Thông Tin Của Ban Kiểm Soát.....43
Điều 55. Tiền Lương, Thù Lao, Thưởng Và Lợi Ích Khác Của Kiểm Soát Viên.....43
Điều 56. Tổng Giám Đốc Của Công Ty.....44
Điều 57. Tiêu Chuẩn, Điều Kiện Làm Tổng Giám Đốc.....44
Điều 58. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Tổng Giám Đốc 44
Điều 59. Tiền Lương, Thù Lao, Thưởng Và Lợi Ích Khác Của Người Quản Lý Công Ty 45
Điều 60. Người Đại Diện Theo Ủy Quyền.....45
Điều 61. Bộ Phận Kiểm Toán Nội Bộ 46
Điều 62. Bộ Phận Kiểm Soát Nội Bộ 48
CHƯƠNG IV. NGHĨA VỤ VÀ HẠN CHẾ TRONG HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ CỦA CÔNG TY.....49
Điều 63. Nghĩa Vụ Của Công Ty 49
Điều 64. Hạn Chế Đối Với Hoạt Động Của Công Ty Và Nhân Viên Của Công Ty 57
Điều 65. Ủy Quyền Hoạt Động 59
Điều 66. Chấm Dứt Quyền Và Nghĩa Vụ Đối Với Khách Hàng Ủy Thác Và Thay Thế Công Ty Khác 61
Điều 67. Nguyên Tắc Giải Quyết Tranh Chấp 62
CHƯƠNG V. TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, NGHĨA VỤ BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY 62
Điều 68. Năm Tài Chính.....62
Điều 69. Kế Toán, Kiểm Toán, Thuế 63
Điều 70. Phân Phối Lợi Nhuận.....63
Điều 71. Nghĩa Vụ Báo Cáo, Công Bố Thông Tin.....63
CHƯƠNG VI. GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY 64
Điều 72. Giải Thể Công Ty 64
Điều 73. Phá Sản Công Ty 64
Điều 74. Tổ Chức Lại Công Ty.....65
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....65
Điều 75. Sửa Đổi, Bổ Sung Điều Lệ.....65
Điều 76. Hiệu Lực Của Điều lệ 65

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này ("**Điều Lệ**") của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn (dưới đây gọi là "**Công Ty**") là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công Ty, một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam.

CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật Chứng Khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Luật Doanh Nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

Các văn bản pháp luật khác có liên quan,

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải Thích Từ Ngữ

1. Trong Điều Lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

   a) "**Công Ty**" có nghĩa là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn;

   b) **"Vốn Điều Lệ"** có nghĩa là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công Ty và theo quy định tại Điều 8 của Điều Lệ này;

   c) **"Luật Chứng Khoán"** có nghĩa là Luật Chứng khoán đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (và các sửa đổi, bổ sung);

   d) **"Luật Doanh Nghiệp"** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 (và các sửa đổi, bổ sung);

   e) "**Đại Hội Đồng Cổ Đông**": là Đại hội đồng cổ đông của Công Ty;

   f) "**Hội Đồng Quản Trị**": là Hội đồng quản trị của Công Ty;

   g) "**Ban Kiểm Soát**": là Ban kiểm soát của Công Ty;

   h) "**Kiểm Soát Viên**": là Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm soát thuộc Ban Kiểm Soát;

   i) "**Tổng Giám Đốc**": là Tổng giám đốc của Công Ty hoặc chức danh tương đương theo quy định/quyết định phân công, bổ nhiệm của Công Ty;

   j) "**Ban Điều Hành**": là Ban điều hành của Công Ty bao gồm Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc;

k) "**Kiểm Toán Nội Bộ**": là bộ phận chuyên trách thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ do Hội Đồng Quản Trị của Công Ty thành lập;

l) "**Kiểm Soát Nội Bộ**": là bộ phận kiểm soát nội bộ của Công Ty;

m) "**Người Đại Diện Theo Pháp Luật**": là người đại diện theo pháp luật của Công Ty;

n) **"Người Có Liên Quan"** là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp;

o) **"Việt Nam"** có nghĩa là Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

p) **"UBCKNN"** được hiểu là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước của Việt Nam.

2. Trong Điều Lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.

3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều Lệ này. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành của các luật này sẽ có nghĩa tương tự trong Điều Lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 2. Tên Công Ty

1. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN

2. Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: SAIGON CAPITAL

3. Tên giao dịch: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN

4. Tên viết tắt: SGC

5. Việc thay đổi tên của Công Ty do Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty quyết định và phải được UBCKNN điều chỉnh trên giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công Ty.

Điều 3. Hình Thức Sở Hữu Và Phạm Vi Trách Nhiệm

1. Công Ty được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động theo Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan với những điều khoản và điều kiện nêu trong Điều Lệ này.

2. Cổ đông góp vốn thành lập Công Ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty.

3. Công Ty có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, tài khoản riêng, độc lập về tài chính.

4. Công Ty được thành lập trên cơ sở tự nguyện tham gia góp vốn của các cổ đông.

Điều 4. Địa Chỉ Trụ Sở Chính, Trụ Sở Chi Nhánh Và Văn Phòng Đại Diện Tại Việt Nam

1. Trụ sở chính của Công Ty:

   a) Địa chỉ: Tầng 1, Khối nhà B, Số 88 Trần Thủ Độ, Phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;

   b) Điện thoại: 024.33552299 Fax: 024.33552299

   c) *Địa chỉ website*: https://saigoncapital.com.vn/

2. Việc thành lập, đóng cửa chi nhánh, văn phòng đại diện, thay đổi địa chỉ trụ sở chính phải được UBCKNN chấp thuận.

Điều 5. Nghiệp Vụ Kinh Doanh Chứng Khoán

Công Ty được phép tiến hành các nghiệp vụ kinh doanh đã ghi trong giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán do UBCKNN cấp, bao gồm các nghiệp vụ sau:

1. Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

2. Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;

3. Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Điều 6. Thời Hạn Hoạt Động

Thời hạn hoạt động của Công Ty được xác định là không có thời hạn bắt đầu từ ngày được cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán trừ khi bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 7. Người Đại Diện Theo Pháp Luật

7.1 Tổng Giám Đốc là Người Đại Diện Theo Pháp Luật của Công Ty.

7.2 Ủy quyền của Người Đại Diện Theo Pháp Luật:

   (i) Người Đại Diện Theo Pháp Luật của Công Ty theo quy định tại Điều Lệ này phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định Pháp Luật để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người Đại Diện Theo Pháp Luật của Công Ty. Trường hợp này, Người Đại Diện Theo Pháp Luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền;

   (ii) Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà Người Đại Diện Theo Pháp Luật của Công

Ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người đã được ủy quyền (theo quy định tại điểm (i) khoản này) vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người Đại Diện Theo Pháp Luật trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi Người Đại Diện Theo Pháp Luật của Công Ty trở lại làm việc tại Công Ty hoặc cho đến khi Hội Đồng Quản Trị quyết định bổ nhiệm người khác vào chức danh của Người Đại Diện Theo Pháp Luật;

(iii) Trường hợp Người Đại Diện Theo Pháp Luật của Công Ty vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người Đại Diện Theo Pháp Luật của Công Ty hoặc bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm người khác vào chức danh Người Đại Diện Theo Pháp Luật của Công Ty.

7.3 Trường hợp Tổng Giám Đốc bị tạm giữ, tạm giam, trốn khỏi nơi cư trú, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị tòa án tước quyền hành nghề hoặc sau khi miễn nhiệm mà Công Ty chưa bổ nhiệm được Tổng Giám Đốc mới thì đương nhiên Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị là Người Đại Diện Theo Pháp Luật của Công Ty cho đến khi Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm được người khác vào chức danh trên.

Chương II. VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG - THÀNH VIÊN GÓP VỐN - CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY

Điều 8. Vốn Điều Lệ Và Thay Đổi Vốn Điều Lệ

1. Vốn Điều Lệ của Công Ty là **43.800.000.000 VND** (Bốn mươi ba tỷ, tám trăm triệu đồng Việt Nam) do cổ đông Công Ty đóng góp.

2. Công Ty có thể thay đổi Vốn Điều Lệ khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

3. Công Ty có thể tăng Vốn Điều Lệ dưới các hình thức sau:
   a) Phát hành thêm cổ phần dưới các hình thức phù hợp với quy định của Pháp Luật;
   b) Chuyển từ các quỹ hoặc lợi nhuận giữ lại để chuyển thành cổ phần cho các Cổ Đông hoặc chuyển trái phiếu thành cổ phần theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và các quy định khác của pháp luật.

4. Công Ty có thể giảm Vốn Điều Lệ dưới các hình thức sau:
   a) Theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Công Ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công Ty nếu Công Ty đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;

b) Công Ty mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật Doanh Nghiệp.

5. Công Ty phải báo cáo UBCKNN trước và sau khi thực hiện việc tăng, giảm Vốn Điều Lệ và đảm bảo việc tăng, giảm Vốn Điều Lệ của Công Ty đáp ứng được các quy định của pháp luật.

Điều 9. Các Loại Cổ Phần

1. Công Ty có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.

2. Ngoài cổ phần phổ thông, Công Ty cổ phần có thể có cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:

   a) Cổ phần ưu đãi biểu quyết;

   b) Cổ phần ưu đãi cổ tức;

   c) Cổ phần ưu đãi hoàn lại;

   d) Cổ phần ưu đãi khác theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và pháp luật về chứng khoán.

3. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định phù hợp với quy định tại Điều Lệ này.

4. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

5. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi, cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 10. Quyền Của Cổ Đông Phổ Thông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

   a) Tham dự và phát biểu trong các Đại Hội Đồng Cổ Đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều Lệ Công Ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

   b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

   c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công Ty;

   d) Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều Lệ này và quy định pháp luật có liên quan;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công Ty, biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

g) Khi Công Ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công Ty;

h) Các quyền khác theo quy định của Điều Lệ này và quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm Soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội Đồng Quản Trị và tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty;

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Yêu cầu Ban Kiểm Soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và Điều Lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội Đồng Quản Trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Các trường hợp khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán.

Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được lập bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội Đồng Quản Trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát. Việc đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát được thực hiện như sau:

   a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại Hội Đồng Cổ Đông;

   b) Căn cứ số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông làm ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và các cổ đông khác đề cử.

   c) Quyền khác theo quy định của Điều Lệ này.

Điều 11. Nghĩa Vụ Của Cổ Đông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công Ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công Ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công Ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều Lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công Ty.

4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công Ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công Ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công Ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều Lệ này.

Điều 12. Cổ Phần Ưu Đãi Biểu Quyết Và Quyền Của Cổ Đông Sở Hữu Cổ Phần Ưu Đãi Biểu Quyết

1. Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần phổ thông có nhiều hơn phiếu biểu quyết so với cổ phần phổ thông khác. Số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết do Điều Lệ Công Ty quy định. Chỉ có tổ chức được chính phủ ủy quyền và cổ đông sáng lập được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chỉ có hiệu lực trong 03 năm, kể từ ngày Công Ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán. Sau thời hạn ưu đãi biểu quyết, cổ phần ưu đãi biểu quyết chuyển đổi thành cổ phần phổ thông.

2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền sau đây:

   a) Biểu quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông với số phiếu biểu quyết theo quy định tại khoản 1 Điều này;

   b) Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác, trừ trường hợp chuyển nhượng theo bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc thừa kế.

Điều 13. Cổ Phần Ưu Đãi Cổ Tức Và Quyền Của Cổ Đông Sở Hữu Cổ Phần Ưu Đãi Cổ Tức

1. Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công Ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi rõ trong cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức.

2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền sau đây:

   a) Nhận cổ tức với mức theo quy định tại khoản 1 Điều này;

   b) Nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công Ty, sau khi Công Ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi Công Ty giải thể hoặc phá sản;

   c) Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này,

3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 35 Điều Lệ này.

Điều 14. Cổ Phần Ưu Đãi Hoàn Lại Và Quyền Của Cổ Đông Sở Hữu Cổ Phần Ưu Đãi Hoàn Lại

1. Cổ phần ưu đãi hoàn lại là cổ phần được Công Ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại và Điều Lệ Công Ty.

2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại có các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết, dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 9 và khoản 6 Điều 35 Điều Lệ này.

Điều 15. Cổ Phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công Ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu của cổ đông đối với một hoặc một số cổ phần của Công Ty. Cổ phiếu của Công Ty phải có các nội dung chủ yếu sau:

   a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty;

   b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;

   c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;

   d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

   e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật;

   f) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công Ty và ngày phát hành cổ phiếu;

   g) Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 12, 13 và 14 của Điều Lệ này đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.

2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công Ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công Ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

   a) Thông tin về cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

   b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

4. Trường hợp cổ phiếu của Công Ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì hoạt động đăng ký cổ phiếu sẽ chịu sự điều chỉnh của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 16. Sổ Đăng Ký Cổ Đông

1. Công Ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Công Ty.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:

   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính Công Ty;

   b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

   c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

   d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

   e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công Ty trong sổ đăng ký cổ đông.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công Ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công Ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

5. Công Ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều Lệ Công Ty.

Điều 17. Cổ Đông

1. Cổ đông của Công Ty là tổ chức hoặc cá nhân, sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công Ty.

2. Cổ đông sáng lập Công Ty là các cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công Ty.

3. Quyền chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập: Cổ đông sáng lập không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời hạn 3 năm, kể từ khi được cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các cổ đông sáng lập. Trường hợp cổ đông sáng lập buộc phải thanh lý tài sản theo quyết định của tòa án hoặc của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, thì được chuyển nhượng cho cổ

đông khác và cổ đông nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công Ty.

Điều 18. Chào Bán Và Chuyển Nhượng Cổ Phần

1. Hội Đồng Quản Trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

   a) Cổ phần bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;

   b) Cổ phần bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công Ty;

   c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

   d) Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Điều Lệ Công Ty quy định hoặc nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông quy định.

2. Trường hợp Công Ty phát hành thêm cổ phần và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công Ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:

   a) Công Ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần;

   b) Thông báo phải gồm họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công Ty; tổng số cổ phần dự kiến chào bán và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công Ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do Công Ty phát hành. Trường hợp phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công Ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua;

   c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;

   d) Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì Hội Đồng Quản Trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại cho cổ đông của Công Ty hoặc người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều Lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công Ty.

4. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, Công Ty phải phát hành và giao cổ phiếu cho người mua; trường hợp không giao cổ phiếu, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều Lệ này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công Ty.

5. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều Lệ này. Trường hợp có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công Ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

6. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 19. Mua Lại Cổ Phần

1. Công Ty mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

   a) Cổ đông đã biểu quyết không thông qua việc tổ chức lại Công Ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công Ty có quyền yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công Ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công Ty trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

   b) Công Ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản này với giá thị trường tại thời điểm mua lại hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công Ty trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu, Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công Ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

2. Công Ty mua lại cổ phần theo quyết định của Công Ty.

   Công Ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

a) Hội Đồng Quản Trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định;

b) Hội Đồng Quản Trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ Công Ty không quy định hoặc Công Ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

c) Công Ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công Ty theo trình tự, thủ tục sau đây:

- Quyết định mua lại cổ phần của Công Ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho Công Ty.

- Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được Công Ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công Ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nêu trên.

Điều 20. Điều Kiện Thanh Toán Và Xử Lý Các Cổ Phần Được Mua Lại

1. Công Ty chỉ được thanh toán cả phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 19 Điều Lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công Ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 19 Điều Lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp. Công Ty phải đăng ký giảm Vốn Điều Lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công Ty mua lại trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cả phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu.

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công Ty giảm hơn 10% thì Công Ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần được mua lại.

Điều 21. Trả Cổ Tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công Ty. Công Ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi có đủ các điều kiện sau đây: Công Ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Công Ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức, Công Ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công Ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ Công Ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và theo phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

   Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên. Hội Đồng Quản Trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

   a) Tên Công Ty và địa chỉ trụ sở chính của Công Ty;

   b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;

   c) Tên, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

   d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;

   e) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và người đại diện theo pháp luật của Công Ty.

2. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công Ty.

3. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công Ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 18 Điều Lệ này. Công Ty phải đăng ký tăng Vốn Điều Lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Điều 22. Thừa Kế Cổ Phần

Việc thừa kế cổ phần của Công Ty được thực hiện theo quy định pháp luật về thừa kế và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 23. Chào Bán Trái Phiếu

Việc chào bán trái phiếu của Công Ty thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 24. Thu Hồi Tiền Thanh Toán Cổ Phần Mua Lại Hoặc Cổ Tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 20 Điều Lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 21 Điều Lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công Ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công Ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Chương III. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 25. Cơ Cấu Tổ Chức Quản Lý Công Ty

1. Công Ty được tổ chức theo mô hình Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Tổng Giám Đốc. Trường hợp Công Ty có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của Công Ty thì không bắt buộc thành lập Ban Kiểm Soát, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định khác.

2. Căn cứ tình hình thực tế, Hội Đồng Quản Trị đảm bảo cơ cấu tổ chức quản lý của Công Ty theo quy định tại khoản 1 Điều này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 26. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty.

2. Đại Hội Đồng Cổ Đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công Ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty (không bao gồm tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do Công Ty quản lý).

e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công Ty;

f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% (Mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát gây thiệt hại cho Công Ty và cổ đông Công Ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công Ty;

j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát;

k) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát;

l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ Công Ty.

Điều 27. Cuộc Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông Và Triệu Tập Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đại Hội Đồng Cổ Đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội Đồng Quản Trị quyết định gia hạn họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm;

c) Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và từng thành viên Hội Đồng Quản Trị;

d) Báo cáo của Ban Kiểm Soát về kết quả hoạt động kinh doanh của Công Ty, kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc;

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm Soát và Kiểm Soát Viên;

f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và bất thường. Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp bất thường Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội Đồng Quản Trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty;

b) Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 10 Điều Lệ này;

d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát;

e) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ của Công Ty.

4. Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định thì Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và các thành viên Hội Đồng Quản Trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty.

5. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm Soát thay thế Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Dồng Cổ Dông theo quy định. Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định thì Ban Kiểm Soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty.

6. Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 10 Điều Lệ này có quyền đại diện Công Ty triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định.

7. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e) Dự thảo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên;

f) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều Lệ này;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

8. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này sẽ được Công Ty hoàn lại.

Điều 28. Danh Sách Cổ Đông Có Quyền Dự Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công Ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải có họ, tên, địa chỉ liên hệ, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Người quản lý Công Ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công Ty.

Điều 29. Chương Trình Và Nội Dung Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 10 Điều Lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Trường hợp người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc, Đại Hội Đồng Cổ Đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

   a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;

   b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

   c) Trường hợp khác theo quy định tại Điều Lệ Công Ty.

4. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận.

Điều 30. Mời Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty; trường hợp xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều Lệ Công Ty.

3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

   a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

   b) Phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp Công Ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 31. Thực Hiện Quyền Dự Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong trường hợp sau đây:

   a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

   b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

   c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

   d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

   e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều Lệ Công Ty.

Điều 32. Điều Kiện Tiến Hành Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng phiếu biểu quyết trở lên;

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại Hội Đồng Cổ Đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 29 Điều Lệ này.

Điều 33. Thể Thức Tiến Hành Họp Và Biểu Quyết Tại Cuộc Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

Thể thức họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành theo quy định sau đây:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

   a) Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội Đồng Quản Trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông do Hội Đồng Quản Trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban Kiểm Soát điều hành để Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

   b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông điều hành để Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

   c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

   d) Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại Hội Đồng Cổ Đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền:

   a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

   b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình

thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường các trường hợp sau đây:

   a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

   b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

   c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 34. Hình Thức Thông Qua Nghị Quyết Của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 35. Điều Kiện Để Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông Được Thông Qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 6 Điều này:

   a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

   b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

   c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty;

   d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;

   e) Tổ chức lại, giải thể Công Ty;

   f) Các vấn đề khác theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, 3, 4, 6 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Kiểm Soát Viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều Lệ Công Ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều Lệ Công Ty.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành;

5. Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp Công Ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty.

6. Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 36. Thẩm Quyền Và Thể Thức Lấy Ý Kiến Cổ Đông Bằng Văn Bản Để Thông Qua Nghị Quyết Của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần đối với mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông, kể cả các vấn đề sau:

   a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

   b) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều Lệ Công Ty;
   c) Định hướng phát triển Công Ty;

   d) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

   e) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty;

f) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;

g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

h) Tổ chức lại, giải thể Công Ty.

2. Hội Đồng Quản Trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 28 của Điều Lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Điều Lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công Ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công Ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội Đồng Quản Trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban Kiểm Soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

6. Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công Ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 37. Biên Bản Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại Hội Đồng Cổ Đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

3. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trên biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

6. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty.

7. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 38. Yêu Cầu Hủy Bỏ Nghị Quyết Của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại Hội Đồng Cổ Đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 10 của Điều Lệ này có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung của nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công Ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 39 của Điều Lệ này;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều Lệ Công Ty.

Điều 39. Hiệu Lực Của Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông

3. Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua nghị quyết hoặc từ thời điểm có hiệu lực được nêu chi tiết/cách thức thực hiện trong nghị quyết.

4. Các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định (bao gồm nhưng không giới hạn các quy định về thời hạn, thể thức, phương thức thực hiện thông báo; tổ chức họp, tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản; nội dung, thể thức trình bày, thông qua biên bản họp).

5. Trường hợp nghị quyết đã được thông qua của Đại Hội Đồng Cổ Đông bị cổ đông, nhóm cổ đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện thì quyết định này vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi tòa án hoặc trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 40. Hội Đồng Quản Trị

1. Hội Đồng Quản Trị là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

2. Hội Đồng Quản Trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

   a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;

   b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

   c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

   d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công Ty;

   e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 19 của Điều Lệ này;

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty (không bao gồm tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do Công Ty quản lý và hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông quy định tại điểm d khoản 2 Điều 26, khoản 1 và khoản 3 Điều 50 Điều Lệ);

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám Đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi nhân viên bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ; cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia hội đồng thành viên hoặc đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám Đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công Ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến để Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua nghị quyết;

m) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại Hội Đồng Cổ Đông;

n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công Ty;

p) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ Công Ty.

3. Hội Đồng Quản Trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều Lệ Công Ty quy định. Mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội Đồng Quản Trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều Lệ Công Ty và nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội Đồng Quản Trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông, Điều Lệ Công Ty gây thiệt hại cho Công Ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách

nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công Ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công Ty có quyền yêu cầu tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 41. Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

1. Hội Đồng Quản Trị có từ 03 đến 11 thành viên. Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành và thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị cụ thể sẽ do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định trong từng thời kỳ trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật.

2. Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị là 05 (năm) năm và nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị theo nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị được bầu bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.

3. Nếu tại thời điểm Hội Đồng Quản Trị kết thúc nhiệm kỳ mà Hội Đồng Quản Trị của nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Hội Đồng Quản Trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội Đồng Quản Trị của nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp quản công việc.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị:

   a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.

   b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công Ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công Ty.

   c) Không đồng thời là thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên quá 05 công ty khác (trừ trường hợp điểm d khoản 4 Điều này).

   d) Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được là thành viên hội đồng quản trị hoặc thành viên hội đồng thành viên, ban điều hành, người hành nghề quản lý quỹ của một công ty quản lý quỹ khác hoặc thành viên hội đồng quản trị hoặc thành viên hội đồng thành viên, ban điều hành, nhân viên tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ cho quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán mà Công Ty đang quản lý.

   e) Điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.

5. Trong trường hợp theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Công Ty bắt buộc phải có thành viên Hội đồng quản trị độc lập thì ngoài các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 4 Điều này, thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công Ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công Ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công Ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công Ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công Ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công Ty; là người quản lý của Công Ty hoặc công ty con của Công Ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát của Công Ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

6. Khi bắt đầu nhiệm kỳ, tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị đều phải đáp ứng đầy đủ những điều kiện theo yêu cầu của Pháp Luật, quy chế quản trị, Điều Lệ này và các quy định nội bộ của Công Ty. Trong nhiệm kỳ của mình, nếu có sự thay đổi thì các thành viên phải thông báo với Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị. Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời áp dụng cho những thành viên Hội Đồng Quản Trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.

Điều 42. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

1. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị do Hội Đồng Quản Trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội Đồng Quản Trị.

2. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội Đồng Quản Trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;

f) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật về Doanh Nghiệp và Chứng Khoán.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc quy định tại Điều Lệ này.

Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội Đồng Quản Trị.

Điều 43. Miễn Nhiệm, Bãi Nhiệm, Thay Thế Và Bổ Sung Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông miễn nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:

   a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 41 của Điều Lệ này;

   b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

   c) Trường hợp khác quy định của pháp luật về Doanh Nghiệp và Chứng Khoán.

2. Đại Hội Đồng Cổ Đông bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp thành viên Hội Đồng Quản Trị đó không tham gia các hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:

   a) Số thành viên Hội Đồng Quản Trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

   b) Số lượng thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ thành viên độc lập theo quy định.

5. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 44. Cuộc Họp Hội Đồng Quản Trị

1. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội Đồng Quản Trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu

bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.

2. Hội Đồng Quản Trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:

   a) Có đề nghị của Ban Kiểm Soát hoặc thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị;

   b) Có đề nghị của Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

   c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội Đồng Quản Trị;

   d) Trường hợp khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị.

5. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.

6. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

   Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được đăng ký tại Công Ty.

7. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm Soát Viên như đối với các thành viên Hội Đồng Quản Trị. Kiểm Soát Viên có quyền dự họp cuộc họp Hội Đồng Quản Trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội Dồng Quản Trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp.

9. Thành viên Hội Đồng Quản Trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 11 Điều này.

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện từ hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều Lệ Công Ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chậm nhất 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị. Thành viên được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.

Điều 45. Biên Bản Họp Hội Đồng Quản Trị

1. Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội Đồng Quản Trị.

4. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công Ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 46. Quyền Được Cung Cấp Thông Tin Của Hội Đồng Quản Trị

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền yêu cầu Tổng Giám Đốc, người quản lý khác trong Công Ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của đơn vị trong Công Ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội Đồng Quản Trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều Lệ Công Ty quy định.

Điều 47. Công Khai Các Lợi Ích Liên Quan

Việc công khai hóa lợi ích và Người Có Liên Quan của Công Ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công Ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những Người Có Liên Quan của Công Ty theo quy định pháp luật và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công Ty.

2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác của Công Ty phải kê khai cho Công Ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

   a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

   b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những Người Có Liên Quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% Vốn Điều Lệ.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công Ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách Người Có Liên Quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công Ty phải thông báo danh sách Người Có Liên Quan và lợi ích có liên quan cho Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách Người Có Liên Quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công Ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) Công Ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục và sao chép danh sách Người Có Liên Quan của Công Ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai Người Có Liên Quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công Ty.

5. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công Ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội Đồng Quản Trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công Ty.

Điều 48. Trách Nhiệm Của Người Quản Lý Công Ty

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật về doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều Lệ Công Ty, nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công Ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công Ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công Ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 56 Điều Lệ này;

e) Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty.

2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công Ty và bên thứ ba.

Điều 49. Quyền Khởi Kiện Đối Với Thành Viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công Ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công Ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:

   a) Vi phạm trách nhiệm của người quản lý Công Ty theo quy định tại Điều 48 của Điều Lệ này;

   b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ Công Ty, nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;

   c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

   d) Trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ Công Ty.

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công Ty được tính vào chi phí của Công Ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.

3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của tòa án, trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

Điều 50. Chấp Thuận Hợp Đồng, Giao Dịch Giữa Công Ty Với Người Có Liên Quan

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với Người Có Liên Quan sau đây:

   a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ đông của Công Ty và Người Có Liên Quan của họ;

   b) Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Có Liên Quan của họ;

   c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác của Công Ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Điều Lệ này;

   d) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

2. Hội Đồng Quản Trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và không thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông theo khoản 3 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội Đồng Quản Trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội Đồng Quản Trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận các hợp đồng, giao dịch sau đây:

   a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;

   b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công Ty và cổ đông sở hữu từ 51 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người Có Liên Quan của cổ đông đó.

4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng phải thông báo cho Hội Đồng Quản Trị và Kiểm Soát Viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội Đồng Quản Trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 35 Điều Lệ này.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám Đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công Ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

6. Công Ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 51. Ban Kiểm Soát

1. Khi Công Ty thuộc trường hợp bắt buộc có Ban Kiểm Soát hoặc theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Công Ty thành lập Ban Kiểm Soát theo quy định của Điều Lệ này. Số lượng Kiểm Soát Viên thuộc Ban Kiểm Soát (**"Kiểm Soát Viên"**) ít nhất là 03 (ba) Kiểm Soát Viên và nhiều nhất là 05 (năm) Kiểm Soát Viên. Số lượng Kiểm Soát Viên cụ thể sẽ do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định trong từng thời kỳ trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật.

2. Ban Kiểm Soát phải có hơn một nửa số Kiểm Soát Viên thường trú tại Việt Nam.

3. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát là 05 (năm) năm và nhiệm kỳ của Kiểm Soát Viên theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát. Nhiệm kỳ của Kiểm Soát Viên được bầu bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát. Kiểm Soát Viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nếu tại thời điểm Ban Kiểm Soát kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm Soát của nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban Kiểm Soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc vẫn tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm Soát của nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp quản công việc.

4. Trưởng Ban Kiểm Soát do Ban Kiểm Soát bầu trong số Kiểm Soát Viên đủ điều kiện theo quy định tại Điều Lệ và pháp luật. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm Soát theo nguyên tắc đa số.

Điều 52. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Ban Kiểm Soát

1. Ban Kiểm Soát thực hiện giám sát Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc trong việc quản lý và điều hành Công Ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 (sáu) tháng của Công Ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội Đồng Quản Trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với Người Có Liên Quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công Ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán, tài liệu khác của Công Ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 10 Điều Lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 10 Điều Lệ này, Ban Kiểm Soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm Soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội Đồng Quản Trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm Soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội Đồng Quản Trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty.

7. Kiến nghị Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc vi phạm quy định tại Điều 48 Điều Lệ này phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị và các cuộc họp khác của Công Ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ của Công Ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban Kiểm Soát có thể tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại Hội Đồng Cổ Đông.

12. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, Điều Lệ Công Ty và nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 53. Trưởng Ban Kiểm Soát, Kiểm Soát Viên

1. Kiểm Soát Viên có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

   a) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

   b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công Ty;

   c) Không phải là người có quan hệ gia đình của Thành Viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác;

   d) Không phải là người quản lý Công Ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công Ty;

   e) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty;

   f) Không phải là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong 03 năm liền trước đó;

   g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán.

2. Trưởng Ban Kiểm Soát có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

   a) Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện đối với Kiểm Soát Viên được quy định tại Điều 53.1 Điều Lệ;

   b) Phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công Ty;

c) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định pháp luật và Điều Lệ.

3. Trách nhiệm của Kiểm Soát Viên:

a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công Ty, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công Ty.

c) Trung thành với lợi ích của Công Ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này mà gây thiệt hại cho Công Ty hoặc người khác thì Kiểm Soát Viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm Soát Viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công Ty.

5. Trường hợp phát hiện có Kiểm Soát Viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm Soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

6. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm Soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm Soát;

b) Yêu cầu Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm Soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm Soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị để trình Đại Hội Đồng Cổ Đông;

d) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều Lệ và các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty.

7. Đại Hội Đồng Cổ Đông miễn nhiệm Kiểm Soát Viên trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm Soát theo quy định tại Điều này;

b) Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

8. Đại Hội Đồng Cổ Đông bãi nhiệm Kiểm Soát Viên trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm Soát Viên quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty;

d) Theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông khi Đại Hội Đồng Cổ Đông xét thấy cần thiết;

e) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.

Điều 54. Quyền Được Cung Cấp Thông Tin Của Ban Kiểm Soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm Soát Viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị, bao gồm:

   a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Quản Trị và tài liệu kèm theo;

   b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị;

   c) Báo cáo của Tổng Giám Đốc trình Hội Đồng Quản Trị hoặc tài liệu khác do Công Ty phát hành.

2. Kiểm Soát Viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc.

3. Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty theo yêu cầu của Kiểm Soát Viên hoặc Ban Kiểm Soát.

Điều 55. Tiền Lương, Thù Lao, Thưởng Và Lợi Ích Khác Của Kiểm Soát Viên

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm Soát Viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm Soát Viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm Soát;

2. Kiểm Soát Viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động

hằng năm của Ban Kiểm Soát đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm Soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty.

Điều 56. Tổng Giám Đốc Của Công Ty

Tổng Giám Đốc là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công Ty, chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Điều 57. Tiêu Chuẩn, Điều Kiện Làm Tổng Giám Đốc

1. Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;

2. Có tối thiểu 04 năm kinh nghiệm tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;

3. Có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ hoặc chứng chỉ tương đương theo quy định của Chính phủ;

4. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn 06 (sáu) tháng gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

5. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.

6. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công Ty.

7. Không được đồng thời làm việc cho doanh nghiệp khác.

8. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 58. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Tổng Giám Đốc

1. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị;

2. Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công Ty;

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công Ty;

4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;

5. Ban hành các quy định, quy trình nội bộ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công Ty;

6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công Ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị;

7. Ký kết hợp đồng nhân danh Công Ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị;

8. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Hội Đồng Quản Trị Công Ty;

9. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

10. Tuyển dụng lao động;

11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công Ty, hợp đồng lao động và nghị quyết, quyết định của của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị.

Điều 59. Tiền Lương, Thù Lao, Thưởng Và Lợi Ích Khác Của Người Quản Lý Công Ty

1. Công Ty trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội Đồng Quản Trị, trả lương, thưởng cho Tổng Giám Đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc được trả theo quy định sau đây:

   a) Thành viên Hội Đồng Quản Trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội Đồng Quản Trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội Đồng Quản Trị do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

   b) Thành viên Hội Đồng Quản Trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

   c) Tổng Giám Đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám Đốc do Hội Đồng Quản Trị quyết định.

3. Thù lao của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị, tiền lương của Tổng Giám Đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty và phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 60. Người Đại Diện Theo Ủy Quyền

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông Công Ty là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều Lệ này.

2. Tổ chức là cổ đông Công Ty cổ phần có sở hữu ít nhất 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 (ba) người đại diện theo ủy quyền.

3. Trường hợp cổ đông Công Ty là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông Công Ty không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.

4. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Công Ty và chỉ có hiệu lực đối với Công Ty kể từ ngày Công Ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

   a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;

   b) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;

   c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;

   d) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;

   e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

5. Người đại diện theo ủy quyền không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

6. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông Công Ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ này. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông Công Ty tương ứng tại Đại Hội Đồng Cổ Đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.

7. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông; thực hiện quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông cử đại diện.

8. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông cử đại diện do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này. Cổ đông cử đại diện chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

Điều 61. Bộ Phận Kiểm Toán Nội Bộ

1. Trường hợp Công Ty trở thành công ty đại chúng hoặc quản lý quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng phải thành lập bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ. Bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ trực thuộc Hội Đồng Quản Trị.

2. Bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ có trách nhiệm:

a) Kiểm tra, đánh giá cơ cấu tổ chức, hoạt động quản trị Công Ty, hoạt động điều hành, phối hợp của từng bộ phận, từng vị trí công tác nhằm ngăn ngừa các xung đột lợi ích, bảo vệ quyền lợi của khách hàng;

b) Kiểm tra, đánh giá mức độ đầy đủ, hiệu lực, hiệu quả, mức độ tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Công Ty; hệ thống kiểm soát nội bộ; các chính sách, quy trình nội bộ, bao gồm quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, quy trình nghiệp vụ, quy trình và hệ thống quản trị rủi ro, hệ thống công nghệ thông tin, kế toán, quy trình và hệ thống báo cáo, công bố thông tin, quy trình tiếp nhận và xử lý tố cáo, khiếu kiện từ khách hàng, và các quy định nội bộ khác;

c) Kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp, tính trung thực, mức độ cẩn trọng, tuân thủ các quy trình nghiệp vụ và quản trị rủi ro;

d) Thực hiện việc kiểm toán hoạt động theo kế hoạch kiểm toán nội bộ hằng năm. Kế hoạch kiểm toán nội bộ hằng năm phải được Hội Đồng Quản Trị Công Ty phê duyệt trước khi triển khai thực hiện. Kế hoạch kiểm toán nội bộ hằng năm phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Kiểm toán nội bộ được thực hiện hằng năm và đột xuất;

- Các hoạt động, quy trình, bộ phận phải được đánh giá mức độ rủi ro theo quy định nội bộ của Công Ty. Các hoạt động, quy trình, bộ phận có mức độ rủi ro cao được tập trung nguồn lực, ưu tiên thực hiện kiểm toán trước và được kiểm toán tối thiểu mỗi năm một lần;

- Kế hoạch kiểm toán định kỳ hằng năm phải được điều chỉnh khi có thay đổi về mức độ rủi ro của các hoạt động, quy trình, bộ phận;

e) Thực hiện kiểm toán toàn bộ hoạt động của tất cả các bộ phận trong Công Ty tối thiểu hai năm một lần;

f) Kiến nghị các giải pháp hoàn thiện nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Công Ty; theo dõi kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán đã được Hội Đồng Quản Trị Công Ty phê duyệt.

3. Hoạt động kiểm toán nội bộ phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Độc lập: bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ và hoạt động của bộ phận này độc lập với các bộ phận và hoạt động khác của Công Ty, không chịu sự quản lý của ban điều hành Công Ty. Nhân viên bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ không được kiêm nhiệm làm việc tại các bộ phận khác của Công Ty;

b) Khách quan: Kiểm Toán Nội Bộ phải khách quan, công bằng, không định kiến, không tác động, không bị can thiệp khi thực hiện nhiệm vụ của mình;

c) Trung thực: công tác kiểm toán nội bộ phải được thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng và có trách nhiệm;

d) Phối hợp: bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ được toàn quyền tiếp cận không hạn chế các thông tin, tài liệu của Công Ty. Thành viên Ban Điều Hành và mọi nhân viên của Công Ty có trách nhiệm phối hợp, cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác mọi thông tin, tài liệu liên quan, theo yêu cầu của bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ. Các bộ phận trong Công Ty có trách nhiệm thông báo cho bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ khi phát hiện những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro hoặc thất thoát lớn về tài sản của Công Ty hoặc của khách hàng;

e) Bảo mật: bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ, nhân viên bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ có trách nhiệm bảo mật các thông tin có được trong quá trình kiểm toán, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 62. Bộ Phận Kiểm Soát Nội Bộ

1. Công Ty phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với cơ cấu tổ chức, quản lý của Công Ty, thành lập bộ phận Kiểm Soát Nội Bộ trực thuộc ban điều hành và ban hành các quy định về kiểm soát nội bộ bao gồm cơ chế, chính sách, quy trình và quy định nội bộ.

2. Bộ phận Kiểm Soát Nội Bộ có trách nhiệm:

a) Giám sát bảo đảm hoạt động của từng vị trí, từng bộ phận và toàn bộ hoạt động Công Ty tuân thủ các quy định pháp luật, chính sách, quy trình nghiệp vụ, quy định nội bộ của Công Ty;

b) Giám sát việc thực thi trách nhiệm của toàn bộ nhân viên trong Công Ty đối với các hoạt động được giao, phân cấp, ủy quyền. Nguyên tắc phân cấp, ủy quyền trong Công Ty phải bảo đảm:

- Cơ chế phân cấp, ủy quyền phải rõ ràng, cụ thể, minh bạch, bảo đảm tách bạch nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân, các bộ phận trong Công Ty. Quy trình nghiệp vụ phải bảo đảm tách biệt được giữa các chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí, bộ phận trong Công Ty, từ hoạt động phân tích, thẩm định, chấp thuận hoặc phê duyệt hoặc quyết định thực hiện, tổ chức thực hiện, báo cáo và giám sát sau khi đầu tư;

- Một cá nhân không được đảm nhiệm nhiều vị trí mà có thể thực hiện các hoạt động có mục đích, lợi ích mâu thuẫn với nhau hoặc chồng chéo nhau. Nhân sự được bố trí, bảo đảm một cá nhân không thể độc lập, tự mình ra quyết định và thực hiện từ hai hoạt động trở lên trong toàn bộ quy trình nghiệp vụ mà không cần tham vấn các bộ phận, cá nhân khác.

c) Tham gia xây dựng, giám sát việc tổ chức thực hiện các chính sách, quy chế, quy trình, quy định nội bộ của Công Ty nhằm ngăn ngừa xung đột lợi ích; giám sát việc thực hiện

quy tắc đạo đức nghề nghiệp; tổng hợp, lưu trữ, thống kê và giám sát hoạt động kinh doanh của Công Ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công Ty;

d) Tham gia xây dựng quy trình, tổ chức thực hiện công tác quản trị rủi ro của Công Ty và cho từng khách hàng ủy thác; kịp thời nhận diện, đánh giá mức độ rủi ro, thiết lập hạn mức đầu tư và có biện pháp ngăn ngừa, quản lý các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động đầu tư của Công Ty và của khách hàng ủy thác;

e) Giám sát bảo đảm giá trị tài sản ròng của danh mục ủy thác, quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán được định giá phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ; tài sản và các nguồn lực của Công Ty được quản lý an toàn, hiệu quả; tài sản khách hàng ủy thác được quản lý tách biệt, độc lập; báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động, báo cáo về các chỉ tiêu an toàn tài chính và các báo cáo khác của Công Ty được lập trung thực, chính xác, kịp thời, cập nhật đầy đủ theo quy định của pháp luật;

f) Giám sát, bảo đảm hệ thống thông tin tài chính và quản lý trung thực, đầy đủ, kịp thời và chính xác; có hệ thống thông tin dự phòng để kịp thời xử lý những sự cố phát sinh như thiên tai, cháy, nổ, bảo đảm duy trì hoạt động liên tục của Công Ty;

g) Đề xuất phương án giải quyết, xử lý tranh chấp, xung đột lợi ích, khiếu kiện từ khách hàng, đối tác; các phương án dự phòng khắc phục hậu quả khi sự cố xảy ra;

h) Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ trong trường hợp Công Ty không phải thành lập bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ.

Chương IV. NGHĨA VỤ VÀ HẠN CHẾ TRONG HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 63. Nghĩa Vụ Của Công Ty

1. Công Ty là đại diện theo ủy quyền của khách hàng ủy thác, thay mặt cho khách hàng ủy thác để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của khách hàng ủy thác một cách trung thực và cẩn trọng.

2. Công Ty phải ban hành quy trình quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quy trình quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, quy trình tư vấn đầu tư chứng khoán và các quy trình nghiệp vụ khác phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của Công Ty; quy trình kiểm soát nội bộ; sổ tay định giá; quy trình về điều kiện, trình tự, thủ tục triệu tập, thể thức tiến hành họp và thông qua quyết định tại Đại hội nhà đầu tư áp dụng chung cho các quỹ, đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán; quy tắc đạo đức nghề nghiệp chi tiết tới từng vị trí công tác. Trường hợp khách hàng ủy thác đầu tư chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro, quy trình quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải có quy định cụ thể về nguyên tắc, phương pháp sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro cho quỹ, công ty đầu tư chứng khoán; quy trình quản lý danh mục đầu tư chứng khoán phải có quy định cụ thể về nguyên tắc, phương pháp sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà khách hàng ủy thác đang nắm giữ. Các quy trình được triển khai áp dụng thống nhất trong hoạt động Công Ty.

3. Công Ty phải tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của khách hàng ủy thác. Quy định về việc tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp là điều khoản bắt buộc của hợp đồng lao động giữa Công Ty và nhân viên.

4. Công Ty phải thiết lập hệ thống quản trị rủi ro và ban hành chiến lược, chính sách và quy trình quản trị rủi ro phù hợp với mô hình tổ chức, quy mô hoạt động của Công Ty, các loại hình quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và khách hàng ủy thác do Công Ty quản lý. Hệ thống quản trị rủi ro, chiến lược, chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng dựa theo các thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam và theo hướng dẫn của UBCKNN.

5. Khi quản lý tài sản ủy thác, Công Ty phải đảm bảo:

a) Thực hiện việc đầu tư tài sản ủy thác theo các quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán, Điều lệ Công Ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng ủy thác đầu tư;

b) Ký hợp đồng lưu ký hoặc hợp đồng giám sát với ngân hàng lưu ký đối với quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, danh mục đầu tư ủy thác; ký hợp đồng giám sát với ngân hàng giám sát đối với quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

c) Thực hiện lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam, lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu và lưu ký bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát.

- Trường hợp đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi cho khách hàng ủy thác: Công Ty chỉ được gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách được khách hàng ủy thác phê duyệt; phải cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát để các tổ chức này đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với tổ chức tín dụng nhận tiền gửi, lưu trữ bản gốc các hợp đồng tiền gửi và cung cấp các hợp đồng đó theo yêu cầu của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát;

- Trường hợp đầu tư vào phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch, trái phiếu chưa niêm yết cho khách hàng ủy thác: Công Ty phải lưu ký bản gốc hoặc bản sao hợp lệ các hợp đồng giao dịch, chứng từ giao dịch, hoặc bản gốc sổ đăng ký cổ đông hoặc sổ đăng ký thành viên hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;

d) Xây dựng hệ thống thông tin quản lý các tài khoản của khách hàng ủy thác tại Công Ty bảo đảm nguyên tắc quản lý độc lập và tách biệt tài sản tới từng khách hàng ủy thác; tách biệt tài sản ủy thác và tài sản của chính Công Ty; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của khách hàng ủy thác; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của từng khách hàng ủy thác và nơi lưu ký các tài sản đó; .

e) Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của khách hàng ủy thác trên hệ thống tài khoản khách hàng ủy thác quản lý tại Công Ty, hệ thống lưu ký tài sản của khách hàng ủy thác tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát với các tổ chức phát hành, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức nhận tiền gửi. Công Ty có trách nhiệm thiết lập cơ chế để ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản ủy thác;

f) Phân công tối thiểu 02 (hai) người điều hành quỹ để quản lý, điều hành hoạt động đầu tư của mỗi quỹ đầu tư chứng khoán, mỗi công ty đầu tư chứng khoán. Người điều hành quỹ phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, có tối thiểu 02 (hai) năm kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Trường hợp quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do Công Ty quản lý đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro, người điều hành quỹ phải có thêm chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh. Thông tin về trình độ, chuyên môn, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại bản cáo bạch.

6. Công Ty phải ban hành quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho khách hàng ủy thác và cho bản thân Công Ty. Quy trình phân bổ tài sản phải nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác định giá, khối lượng tài sản phân bổ cho từng đối tượng khách hàng ủy thác, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đầu tư, mức chấp nhận rủi ro của từng khách hàng ủy thác. Quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản phải được cung cấp cho khách hàng ủy thác, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát và được áp dụng thống nhất.

Trường hợp trong ngày Công Ty mua hoặc bán cùng một loại tài sản cho nhiều khách hàng ủy thác và cho bản thân Công Ty, việc phân bổ tài sản, giao dịch được thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Ưu tiên phân bổ tài sản giao dịch cho khách hàng ủy thác. Việc phân bổ tài sản giữa các khách hàng ủy thác phải công bằng, theo đúng quy trình phân bổ tài sản đã ban hành. Trong hoạt động quản lý danh mục đầu tư, trường hợp khách hàng ủy thác không chỉ định giá giao dịch, tài sản được mua hoặc bán tại các mức giá khác nhau, Công Ty phải sử dụng mức giá bình quân gia quyền để phân bổ tài sản; trường hợp khách hàng ủy thác chỉ định giá giao dịch, Công Ty phân bổ theo mức giá khách hàng chỉ định;

b) Việc phân bổ giao dịch cho bản thân Công Ty chỉ được thực hiện sau khi đáp ứng đầy đủ các lệnh giao dịch cho khách hàng ủy thác. Trường hợp Công Ty biết thông tin nội bộ hoặc biết lệnh giao dịch tài sản ủy thác có thể ảnh hưởng lớn tới giá của một loại tài sản, Công Ty không được giao dịch cùng loại tài sản đó hoặc tiết lộ cho bên thứ ba giao dịch tài sản đó;

c) Việc phân bổ tài sản phải được thông báo cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát để thực hiện ngay trong ngày giao dịch.

7. Khi thực hiện giao dịch tài sản cho khách hàng ủy thác, Công Ty bảo đảm:

a) Đối với quỹ đại chúng, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng:

- Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;

- Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của công ty chứng khoán là người có liên quan của công ty quản lý quỹ không được vượt quá 20% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;

Quy định tại điểm này không áp dụng đối với: quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng có thời gian hoạt động chưa đủ 06 tháng tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, giấy phép thành lập và hoạt động đến hết năm mà quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đó được thành lập; quỹ mở trái phiếu có tổng giá trị giao dịch trong năm thấp hơn 300 tỷ đồng;

b) Đối với các khách hàng ủy thác khác, Công Ty phải tuân thủ quy định tại điểm a khoản này, trừ trường hợp Công Ty đã cung cấp đầy đủ thông tin về lợi ích của công ty quản lý quỹ với công ty chứng khoán và khách hàng ủy thác có văn bản chấp thuận cho phép không cần áp dụng quy định nêu trên.

8. Trong hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyển nhượng, Công Ty có trách nhiệm bảo đảm:

a) Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của danh mục đầu tư của khách hàng ủy thác, giá trị tài sản ròng của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ, cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán và các hoạt động quản trị quỹ khác theo quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán, điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư;

b) Lập, lưu trữ, cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác sổ đăng ký nhà đầu tư, sổ đăng ký cổ đông. Nội dung sổ đăng ký nhà đầu tư, sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán, điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán;

c) Công Ty được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyển nhượng. Việc ủy quyền hoạt động tuân thủ quy định tại Điều 65 Điều Lệ này và các quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán.

9. Khi thực hiện quản lý vốn đầu tư của công ty đầu tư chứng khoán, Công Ty phải:

d) Bảo đảm chịu sự giám sát của đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán, ngân hàng giám sát và chịu trách nhiệm trước đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao, các quy định tại điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư;

e) Bảo đảm thiết lập hệ thống, xây dựng quy trình và thực hiện việc quản trị rủi ro phù hợp với chính sách đầu tư, loại tài sản đầu tư và báo cáo đại hội đồng cổ đông và hội đồng quản trị về công tác quản trị rủi ro;

f) Chỉ đưa ra các quyết định đầu tư, thoái vốn đầu tư hằng ngày của công ty đầu tư chứng khoán mà không cần phải có nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị của công ty đầu tư chứng khoán theo quy định tại điều lệ Công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư;

g) Thực hiện các chính sách đầu tư, nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị của công ty đầu tư chứng khoán theo quy định tại điều lệ công ty đầu tư chứng khoán; thực hiện các giao dịch tài sản trong phạm vi hạn mức đầu tư, loại tài sản được phép đầu tư, khối lượng giao dịch và đối tượng giao dịch đã được quy định tại điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư;

h) Kiến nghị phương án chi trả cổ tức, phương án điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ; phương án tái cấu trúc công ty đầu tư chứng khoán;

i) Ký các hợp đồng nhân danh công ty đầu tư chứng khoán theo thẩm quyền quy định tại điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư;

j) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư và nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán.

10. Khi quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện, Công Ty phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện.

11. Công Ty có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin về: khách hàng ủy thác, danh mục tài sản ủy thác, giao dịch tài sản ủy thác, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, Người Có Liên Quan của Công Ty, các thông tin liên quan khác cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát. Công Ty phải cung cấp thông tin theo yêu cầu bằng văn bản của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu 01 (một) tháng một lần, Công Ty có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của từng khách hàng uỷ thác với ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát.

12. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho Công Ty về các giao dịch tài sản ủy thác trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công Ty theo quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư thì Công Ty phải huỷ bỏ giao dịch hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục lại danh mục cho khách hàng ủy thác. Công Ty phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất. Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, toàn bộ khoản lợi nhuận phải hạch toán cho khách hàng ủy thác.

13. Công Ty chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho khách hàng ủy thác do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của Công Ty hoặc

do Công Ty không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và hợp đồng ủy thác đầu tư. Việc bồi thường cho quỹ mở, nhà đầu tư vào quỹ mở thực hiện theo quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán và thỏa thuận giữa các bên liên quan. Việc bồi thường cho quỹ đóng, quỹ thành viên, Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác khác thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên liên quan.

14. Công Ty thực hiện mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán nếu xét thấy cần thiết hoặc trích lập quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ để bồi thường thiệt hại cho khách hàng ủy thác trong các trường hợp quy định tại khoản 13 Điều này.

15. Công Ty phải tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền theo quy định pháp luật hiện hành. Công Ty có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các đại lý phân phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền.

16. Công Ty có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các đại lý phân phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy trình, thủ tục nhận biết khách hàng, xác minh và cập nhật thông tin khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật có liên quan. Khi thực hiện nhận biết khách hàng, Công Ty, đại lý phân phối được quyết định gặp mặt trực tiếp hoặc không gặp mặt trực tiếp khách hàng.

a) Trường hợp không gặp mặt trực tiếp khách hàng, Công Ty, đại lý phân phối phải đảm bảo có các biện pháp, hình thức, công nghệ để nhận biết, thu thập đầy đủ thông tin khách hàng và xác minh chính xác khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền, pháp luật về giao dịch điện tử, các quy định pháp luật có liên quan về đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin khách hàng;

b) Công Ty, đại lý phân phối phải lưu trữ đầy đủ thông tin, dữ liệu nhận biết khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và quy định pháp luật có liên quan. Các thông tin nhận biết khách hàng phải được lưu trữ dự phòng, bảo mật và cung cấp theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

c) Trước khi triển khai hoạt động nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp, Công Ty, đại lý phân phối thông qua Công Ty phải thông báo tới UBCKNN;

d) Trong trường hợp cần thiết, UBCKNN yêu cầu Công Ty, đại lý phân phối tạm dừng hoặc chấm dứt việc thực hiện nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp.

17. Công Ty bảo đảm việc đầu tư tài sản của khách hàng ủy thác là cá nhân, tổ chức nước ngoài tuân thủ đúng các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các doanh nghiệp Việt Nam.

18. Công Ty khi sử dụng tài sản ủy thác huy động tại Việt Nam để đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan khác. Hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài chỉ được thực hiện nếu điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư có điều khoản cho phép thực hiện.

19. Công Ty có trách nhiệm bảo mật thông tin của khách hàng, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của khách hàng và các thông tin khác liên quan, ngoại trừ trường hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu của UBCKNN và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

20. Công Ty phải bảo đảm:

a) Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức khác. Trường hợp Công Ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người Có Liên Quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và bảo mật, bảo đảm các bộ phận của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người Có Liên Quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của Công Ty;

b) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa các hoạt động nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong Công Ty, trong đó có sự tách biệt giữa hoạt động quản lý tài sản ủy thác; hoạt động nghiên cứu, phân tích đầu tư; thực hiện đầu tư; hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ;

c) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động đầu tư tài chính của Công Ty với các hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

21. Trong hoạt động đầu tư tài chính từ vốn chủ sở hữu, Công Ty bảo đảm:

a) Hoạt động đầu tư tài chính phải từ nguồn vốn chủ sở hữu, không phải là vốn vay dưới mọi hình thức;

b) Không được đầu tư chứng khoán phái sinh từ nguồn vốn của mình, từ nguồn vốn vay và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;

c) Không được cho vay, hoặc giao vốn của Công Ty cho các tổ chức, cá nhân dưới mọi hình thức, ngoại trừ trường hợp gửi tiền tại tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi, tín phiếu kho bạc, trái phiếu niêm yết được phát hành theo quy định của pháp luật;

d) Hợp đồng kinh tế, giao dịch giữa Công Ty với những Người Có Liên Quan của Công Ty chỉ được thực hiện sau khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị thông qua theo quy định tại Điều Lệ Công Ty và quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

e) Được sử dụng các nguồn vốn huy động hợp pháp, kể cả vốn vay, để đầu tư làm trụ sở Công Ty. Trường hợp không sử dụng hết trụ sở, Công Ty được cho thuê lại;

f) Công Ty có trách nhiệm báo cáo UBCKNN về các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và tình hình tăng, giảm giá trị các khoản đầu tư này trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hoàn tất việc đầu tư, thay đổi giá trị khoản đầu tư, thoái vốn đầu tư;

g) Công Ty và Người Có Liên Quan (ngoại trừ Người Có Liên Quan là các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do Công Ty quản lý) chỉ được đầu tư không quá 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của công ty chứng khoán đã đăng ký giao dịch, niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán.

22. Công Ty phải được UBCKNN chấp thuận và phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức trước khi thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài. Hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải bảo đảm tuân thủ quy định tại điểm a khoản 21 Điều này, quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật ngân hàng và các nguyên tắc sau:

a) Công Ty được phép đầu tư tối đa 20% vốn chủ sở hữu tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất đã được soát xét và báo cáo tài chính quý gần nhất; đảm bảo không vượt quá hạn mức đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận. Công Ty chỉ đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào công cụ đầu tư do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định;

b) Trường hợp danh mục đầu tư của Công Ty vượt quá hạn mức quy định do biến động giá trên thị trường của tài sản đang nắm giữ hoặc do được hưởng các quyền có liên quan đến tài sản nắm giữ, Công Ty phải thực hiện các biện pháp điều chỉnh cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại điểm a khoản này trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày đầu tư vượt quá hạn mức.

23. Khi cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến, Công Ty, đại lý phân phối chứng chỉ quỹ phải tuân thủ quy định pháp luật về giao dịch chứng khoán điện tử.

24. Trong hoạt động báo cáo sở hữu, công bố thông tin về giao dịch trên thị trường chứng khoán, Công Ty có trách nhiệm:

a) Công Ty cùng với các khách hàng ủy thác phải tuân thủ các quy định của pháp luật về báo cáo sở hữu và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán áp dụng đối với cổ đông lớn của Công ty đại chúng, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng, người nội bộ, Người Có Liên Quan của người nội bộ;

b) Nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin phát sinh kể từ thời điểm:

- Số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ do Công Ty và các khách hàng ủy thác sở hữu đạt từ 5% trở lên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng hoặc đạt từ 5% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ của một quỹ đóng, ngoại trừ khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục;

- Công Ty là Người Có Liên Quan của người nội bộ theo quy định của pháp luật, ngoại trừ giao dịch hoán đổi của quỹ hoán đổi danh mục và hoạt động tái cơ cấu danh mục theo định kỳ của chỉ số tham chiếu;

- Nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin, phương thức, thời điểm công bố thông tin, mẫu báo cáo sở hữu, công bố thông tin thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

c) Thực hiện các nghĩa vụ khác về báo cáo sở hữu và công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Trường hợp khách hàng ủy thác danh mục đầu tư đứng tên chủ sở hữu tài sản ủy thác, khách hàng ủy thác có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

25. Công Ty có trách nhiệm hằng năm tổ chức đào tạo, tập huấn cho nhân viên, cử người hành nghề chứng khoán tham gia các khóa tập huấn do UBCKNN tổ chức (nếu có), bảo đảm đội ngũ nhân viên được cập nhật kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức về pháp luật. Thông tin về các hoạt động này của Công Ty phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hằng năm gửi UBCKNN.

26. Công Ty phải cập nhật đầy đủ, kịp thời các thay đổi về tổ chức và hoạt động của Công Ty vào cơ sở dữ liệu công ty quản lý quỹ của UBCKNN.

Điều 64. Hạn Chế Đối Với Hoạt Động Của Công Ty Và Nhân Viên Của Công Ty

1. Công Ty không được là Người Có Liên Quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán mà Công Ty đang quản lý. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, nhân viên bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ, Ban Kiểm Soát, Ban Điều Hành, nhân viên của Công Ty không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.

2. Công Ty, Người Có Liên Quan của Công Ty được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán mà Công Ty đang quản lý nếu Điều Lệ quỹ, Điều Lệ Công Ty cho phép, ngoại trừ những hoạt động không được phép thực hiện quy định tại điểm b khoản 6 Điều này.

3. Công Ty, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, thành viên Ban Điều Hành, nhân viên của Công Ty chỉ được là đối tác mua, bán tài sản trong danh mục tài sản ủy thác mà Công Ty đang quản lý theo nguyên tắc sau:

   a) Giao dịch được thực hiện theo phương thức khớp lệnh tập trung tại sở giao dịch chứng khoán;

   b) Trường hợp giao dịch không theo phương thức khớp lệnh tập trung, giao dịch được thực hiện khi có văn bản chấp thuận của khách hàng ủy thác hoặc đại diện của khách hàng ủy thác. Văn bản chấp thuận của khách hàng ủy thác phải thể hiện: loại tài sản giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, giá giao dịch hoặc nguyên tắc xác định giá giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch.

4. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Ban Điều Hành, nhân viên của Công Ty phải báo cáo bộ phận Kiểm Soát Nội Bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân trên phải bao gồm: tên chứng khoán giao dịch, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân phải

được lưu trữ và quản lý tại bộ phận Kiểm Soát Nội Bộ và cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.

5. Thành Viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Điều Hành, nhân viên của Công Ty không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa Công Ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoại trừ các loại giá dịch vụ, thưởng theo quy định tại khoản 9 Điều này được quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư.

6. Trong hoạt động quản lý tài sản ủy thác, Công Ty bảo đảm:

a) Không được sử dụng tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán để đầu tư vào chính quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đó;

b) Không được sử dụng tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục, quỹ, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do mình quản lý để đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý, ngoại trừ khách hàng ủy thác quản lý danh mục chỉ định dầu tư, khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện và các khách hàng này đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên;

c) Không được sử dụng tài sản của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng để đầu tư vào chính Công Ty; không đầu tư vào tổ chức là Người Có Liên Quan của Công Ty trừ trường hợp sử dụng tài sản của quỹ hoán đổi danh mục để đầu tư vào chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu của chỉ số tham chiếu; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Điều Hành, nhân viên của Công Ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên 10% Vốn Điều Lệ.

d) Công Ty có thể sử dụng vốn của quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục để đầu tư vào các tổ chức nêu trên trong trường hợp điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, hợp đồng ủy thác đầu tư, biên bản thỏa thuận góp vốn có quy định cho phép Công Ty thực hiện việc đầu tư này với mức giá dịch vụ quản lý phù hợp và đảm bảo tuân thủ quy định tại điểm b khoản này;

e) Không được sử dụng tài sản ủy thác để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công Ty, Người Có Liên Quan của Công Ty, tổ chức, cá nhân khác. Quy định này không áp dụng đối với: khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài và đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên; hoặc trong trường hợp khách hàng ủy thác quản lý danh mục đứng tên chủ sở hữu tài sản ủy thác;

f) Chỉ sử dụng tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục để đầu tư vào chứng khoán phái sinh niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán với mục đích phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà khách hàng ủy thác đang nắm giữ. Việc đầu tư tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán vào chứng khoán phái sinh phải tuân thủ quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán;

g) Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng ủy thác về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư hoặc bảo đảm khách hàng ủy thác không bị thua lỗ, trừ trường hợp đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định; không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của Công Ty; không trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của khách hàng ủy thác do hoạt động đầu tư;

h) Không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một khách hàng ủy thác để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi cho khách hàng ủy thác.

7. Công Ty chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của các khách hàng ủy thác để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một Công ty đại chúng, chứng chỉ quỹ đóng đang lưu hành của một quỹ đóng khi đảm bảo:

a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của các khách hàng ủy thác hoặc đại diện của khách hàng ủy thác về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua;

b) Công Ty thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của pháp luật về chứng khoán.

8. Công Ty không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

9. Ngoại trừ quỹ mở, Công Ty được nhận thưởng hoạt động theo quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư. Mức thưởng bảo đảm tuân thủ nguyên tắc sau:

a) Được tính trên cơ sở phần lợi nhuận hằng năm của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán vượt trội so với lợi nhuận tham chiếu được xác định dựa vào tỷ lệ tăng trưởng chỉ số thị trường, cơ cấu danh mục đầu tư và các chỉ tiêu khác quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư;

b) Phải tính giảm trừ, hoặc không được thanh toán nếu hoạt động đầu tư tại các năm liền trước bị thua lỗ và mức lỗ này chưa được bù đắp.

Điều 65. Ủy Quyền Hoạt Động

1. Trong quá trình thực hiện nghiệp vụ kinh doanh, Công Ty được:

a) Ủy quyền cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam thực hiện các dịch vụ quản trị quỹ, đại lý chuyển nhượng cho quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;

b) Ủy quyền cho tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý tài sản đối với tài sản của khách hàng ủy thác đầu tư ở nước ngoài.

2. Khi thực hiện ủy quyền các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này, Công Ty phải bảo đảm:

a) Điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư có quy định cho phép Công Ty được ủy quyền các hoạt động này. Trường hợp ủy quyền hoạt động theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, tổ chức nước ngoài phải được cơ quan quản lý trong lĩnh vực chứng khoán nước ngoài cấp phép hoạt động nhận ủy quyền và chịu sự quản lý, thanh tra, giám sát của cơ quan này;

b) Các thông tin cơ bản của bên nhận ủy quyền, phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của bên nhận ủy quyền phải được công bố tại Bản cáo bạch, cung cấp cho khách hàng ủy thác. Đại hội nhà đầu tư của quỹ đầu tư chứng khoán, đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác có quyền yêu cầu Công Ty thay đổi tổ chức nhận ủy quyền nếu xét thấy cần thiết;

c) Bên nhận ủy quyền phải có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm để thực hiện hoạt động được ủy quyền;

d) Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo;

e) Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công Ty báo cáo kiểm toán độc lập đối với hoạt động ủy quyền, các tài liệu phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công Ty theo quy định;

f) Việc ủy quyền hoạt động và bên nhận ủy quyền hoạt động theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này phải được nêu rõ tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán. việc ủy quyền hoạt động và bên nhận ủy quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 điều này phải được đại hội nhà đầu tư, đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác chấp thuận bằng văn bản.

3. Trong hoạt động ủy quyền, Công Ty phải có trách nhiệm:

a) Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công Ty phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất, bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền;

b) Ký hợp đồng ủy quyền với bên nhận ủy quyền. Hợp đồng ủy quyền bao gồm các nội dung tối thiểu theo quy định;

c) Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã uỷ quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư, bảo đảm chất lượng

dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của công ty và của khách hàng ủy thác (nếu có). Công Ty được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định tại điểm này. Định kỳ hằng tháng, Công Ty phải lập báo cáo tổng hợp về kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động đã ủy quyền;

d) Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp để giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;

e) Thiết lập hệ thống, xây dựng quy trình bảo đảm tại mọi thời điểm Công Ty, tổ chức kiểm toán độc lập, UBCKNN có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;

f) Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công Ty đối với khách hàng ủy thác. Công Ty phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tài chính và pháp lý phát sinh từ việc ủy quyền, trừ các nghĩa vụ pháp lý, các khoản phí, giá dịch vụ mà khách hàng trực tiếp thỏa thuận, thanh toán cho bên nhận ủy quyền trên cơ sở hợp đồng ủy thác đầu tư, hợp đồng giám sát, hợp đồng lưu ký, quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và phù hợp với quy định của pháp luật liên quan. Công Ty phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư và dịch vụ cung cấp cho khách hàng ủy thác;

g) Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ trong hoạt động ủy quyền;

h) Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền; hợp đồng ủy quyền, biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất. Các tài liệu này phải được cung cấp cho UBCKNN theo yêu cầu;

i) Trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký hợp đồng với bên nhận ủy quyền đối với các hoạt động ủy quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, Công Ty thông báo cho UBCKNN về việc ủy quyền này và gửi kèm theo các tài liệu xác nhận bên nhận ủy quyền đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 66. Chấm Dứt Quyền Và Nghĩa Vụ Đối Với Khách Hàng Ủy Thác Và Thay Thế Công Ty Khác

1. Công Ty chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với khách hàng ủy thác trong các trường hợp sau:

a) Công Ty tự nguyện đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với khách hàng ủy thác theo các quy định của điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý danh mục đầu tư;

b) Theo yêu cầu của đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán, đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác quản lý danh mục;

c) Bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 95 Luật Chứng Khoán;

d) Tổ chức lại Công Ty;

e) Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, hết thời gian hoạt động, hợp đồng quản lý đầu tư hết hiệu lực.

2. Công Ty phải tổ chức họp đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán, đại hội cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác để lấy ý kiến về phương án xử lý tài sản và Công Ty thay thế trong trường hợp quy định tại điểm a, c, d khoản 1 Điều này.

3. Quyền và nghĩa vụ đối với khách hàng ủy thác của Công Ty chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu đối với tài sản ủy thác, bàn giao đầy đủ tài sản, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, chứng từ, sổ sách, thông tin về tài sản ủy thác, quyền và nghĩa vụ đối với khách hàng ủy thác cho công ty quản lý quỹ thay thế. Việc chuyển giao tài sản phải được hoàn tất trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày khách hàng ủy thác thông qua quyết định thay thế Công Ty.

4. Công Ty phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ nợ, tài sản đối với khách hàng ủy thác mà chưa bàn giao đầy đủ cho công ty thay thế. Trong trường hợp này, Công Ty chịu trách nhiệm giải quyết và khắc phục những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ khi hoàn tất việc bàn giao tài sản cho công ty thay thế.

Điều 67. Nguyên Tắc Giải Quyết Tranh Chấp

1. Mọi tranh chấp giữa các cổ đông, giữa Công Ty với khách hàng ủy thác trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải.

2. Trường hợp các bên tranh chấp không tự thỏa thuận được với nhau sẽ được đưa ra tòa án hoặc một tổ chức có thẩm quyền xét xử. Quyết định của tòa án hay của tổ chức đó là quyết định cuối cùng mà các bên tranh chấp phải tuân theo.

Chương V. TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, NGHĨA VỤ BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Điều 68. Năm Tài Chính

1. Năm tài chính của Công Ty bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán và kết thúc vào ngày 31/12 của năm đó.

Điều 69. Kế Toán, Kiểm Toán, Thuế

1. Công Ty thực hiện chế độ kế toán, thống kê và thực hiện các nghĩa vụ về thuế theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do Công Ty quản lý phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được UBNCKNN chấp thuận trước khi trình Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty và đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán hoặc đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán xem xét và thông qua.

3. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, báo cáo tài chính năm có kiểm toán của Công Ty phải được gửi đến UBCKNN và cơ quan thuế có thẩm quyền.

Điều 70. Phân Phối Lợi Nhuận

1. Trước khi thực hiện phân chia lợi nhuận cho các cổ đông, thành viên, chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế của Công Ty cuối năm tài chính phải được sử dụng để trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành. Tỷ lệ trích lập các quỹ không được quy định bởi pháp luật hiện hành sẽ do Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty quyết định.

2. Công Ty chỉ phân chia lợi nhuận cho các cổ đông dựa trên nguyên tắc:

   a) Công Ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

   b) Công Ty phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi phân chia lợi nhuận, nghĩa là: không có nợ quá hạn, không có nghĩa vụ tài sản khác đã quá hạn mà chưa thanh toán được, không đảo nợ, dùng vốn vay mới để thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn thanh toán;

   c) Công Ty có đủ nguồn tài chính tại thời điểm phân chia để thực hiện phân chia lợi nhuận cho các cổ đông, thành viên, đảm bảo việc phân chia lợi nhuận không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công Ty.

3. Hội Đồng Quản Trị chịu trách nhiệm phê duyệt danh sách cổ đông, thành viên được phân chia lợi nhuận và thời điểm phân phối lợi nhuận.

4. Khi kinh doanh thua lỗ, Công Ty được chuyển lỗ sang năm tiếp theo để được khấu trừ vào thu nhập chịu thuế, thời gian chuyển lỗ không vượt quá thời gian tối đa cho phép được chuyển lỗ theo quy định của pháp luật.

Điều 71. Nghĩa Vụ Báo Cáo, Công Bố Thông Tin

1. Công Ty có nghĩa vụ thực hiện báo cáo, công bố thông tin về hoạt động của Công Ty và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do Công Ty quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Công Ty có trách nhiệm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này. Công Ty phải lưu trữ đầy đủ tại trụ sở chính, văn phòng đại diện, chi nhánh, đại lý phân phối cũng như tại trang thông tin điện tử của Công Ty và cung cấp miễn phí cho nhà đầu tư theo yêu cầu của nhà đầu tư các tài liệu sau:

a) Điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, các tài liệu, báo cáo, hợp đồng dẫn chiếu trong bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán;

b) Các báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán của tối thiểu 05 (năm) năm gần nhất; báo cáo tài chính 6 (sáu) tháng, các báo cáo tài chính quý tới quý gần nhất của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán;

c) Báo cáo hoạt động định kỳ của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán của tối thiểu 05 (năm) năm gần nhất;

d) Báo cáo về giá trị tài sản ròng của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán.

3. Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công Ty phải được gửi đến Ban Kiểm Soát để thẩm định chậm nhất là 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên.

Chương VI. GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY

Điều 72. Giải Thể Công Ty

1. Công Ty bị giải thể trong các trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều Lệ Công Ty mà không gia hạn hoạt động;

b) Giải thể tự nguyện theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty;

c) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán.

2. Công Ty chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Trường hợp hết khả năng thanh toán, việc giải thể thực hiện theo quy định pháp luật về phá sản.

3. Kể từ khi được UBCKNN chấp thuận giải thể Hội Đồng Quản Trị không được thực hiện các hoạt động bị cấm theo quy định của pháp luật về giải thể doanh nghiệp, đồng thời trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản Công Ty.

Điều 73. Phá Sản Công Ty

Việc phá sản Công Ty được tiến hành theo các quy định của Luật Phá sản và các văn bản hướng dẫn.

Điều 74. Tổ Chức Lại Công Ty

1. Công Ty thực hiện tổ chức lại theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và pháp luật về doanh nghiệp.

2. Trong quá trình hợp nhất, sáp nhập, Công Ty, Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Ban Điều Hành phải:

   a) Bảo đảm an toàn tài sản của Công Ty, không được cất giấu, tẩu tán tài sản của Công Ty dưới mọi hình thức và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các vấn đề ngoài sổ sách không được bàn giao;

   b) Các Công Ty tham gia tổ chức lại có quyền, trách nhiệm đối với toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của mình cho đến khi Công Ty hình thành sau tổ chức lại được cấp, điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán;

   c) Tuân thủ các quy định của pháp luật về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

3. Cổ đông phản đối việc tổ chức lại có quyền yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần. Chủ nợ có quyền yêu cầu Công Ty hoàn trả khoản vay khi thực hiện tổ chức lại. Các yêu cầu nêu trên được thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 75. Sửa Đổi, Bổ Sung Điều Lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ này phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ phải báo cáo UBCKNN.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công Ty chưa được đề cập trong bản Điều Lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều Lệ này thì áp dụng quy định của pháp luật đó.

Điều 76. Hiệu Lực Của Điều lệ

1. Bản Điều Lệ này gồm 07 (bảy) Chương và 76 (bảy mươi sáu) Điều, được Đại Hội Đồng Cổ Đông nhất trí thông qua và có hiệu lực từ ngày … tháng … năm … và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều Lệ. Điều Lệ này thay thế Điều Lệ ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2021 và các văn bản sửa đổi bổ sung.

2. Điều Lệ này được lập thành một (01) bản, có giá trị như nhau.

3. Điều Lệ này là duy nhất và chính thức của Công Ty, thay cho các bản Điều Lệ trước đây.

TỔNG GIÁM ĐỐC

SAIGON CAPITAL

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN
Trụ sở chính: Tầng 1, Khối nhà B, số 88 Trần Thủ Độ, phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội
Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 37/UBCK-GP ngày 28/08/2008 và các Giấy phép điều chỉnh
Mã số doanh nghiệp: 0305932511

Số: 06/2026/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn;*

Trên cơ sở các quy định của pháp luật và nhằm đáp ứng các nhu cầu thực tiễn trong công tác tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn (sau đây gọi là "**SGC**"), Hội đồng quản trị SGC đã tiến hành xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định nội bộ của SGC và kính trình Đại hội đồng cổ đông SGC xem xét, thông qua các nội dung như sau:

1. Thông qua ***Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn*** với nội dung như bản dự thảo kèm theo Tờ trình này.

2. Giao cho Hội đồng quản trị SGC quyết định ban hành ***Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn*** được nêu tại Mục 1 nêu trên sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông SGC thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông SGC xem xét, cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- *Như: Kính gửi;*
- *Lưu: VT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN

Đỗ Duy Tân

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN

Tháng ... năm ....

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG 3

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 3
Điều 2. Giải thích từ ngữ 3
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội Đồng Quản Trị 4

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 4

Điều 4. Thành viên Hội Đồng Quản Trị 4
Điều 5. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị 5
Điều 6. Miễn Nhiệm, Bãi Nhiệm, Thay Thế Và Bổ Sung Thành Viên Hội Đồng Quản Trị 6
Điều 7. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội Đồng Quản Trị 6

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 7

Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị 7
Điều 9. Chấp Thuận Hợp Đồng, Giao Dịch Giữa Công Ty Với Người Có Liên Quan 8
Điều 10. Các tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị 9

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 9

Điều 11. Cuộc Họp Hội Đồng Quản Trị 9
Điều 12. Biên Bản Họp Hội Đồng Quản Trị 11

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH 12

Điều 13. Trình báo cáo hằng năm 12
Điều 14. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị 12
Điều 15. Công khai các lợi ích liên quan 12

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 13

Điều 16. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị 13
Điều 17. Mối quan hệ với Tổng Giám Đốc 14
Điều 18. Mối quan hệ với Ban Kiểm Soát 14

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 14

Điều 19. Hiệu lực thi hành 14

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn này quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn và các thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn nhằm hoạt động theo quy định pháp luật và Điều Lệ Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn.

1.2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn này được áp dụng cho Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn, các thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn và các cá nhân, phòng ban, bộ phận, đơn vị có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

2.1. "**Luật Doanh Nghiệp**": là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ).

2.2. "**Luật Chứng Khoán**": là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ).

2.3. "**Điều Lệ**": là Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ).

2.4. "**Quy Chế**": là Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ).

2.5. "**Công Ty**": là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn .

2.6. "**Đại Hội Đồng Cổ Đông**": là Đại hội đồng cổ đông của Công Ty.

2.7. "**Hội Đồng Quản Trị**": là Hội đồng quản trị của Công Ty.

2.8. "**Tổng Giám Đốc**": là Tổng giám đốc của Công Ty.

2.9. "**Ban Kiểm Soát**": là Ban kiểm soát của Công Ty.

2.10. "**Người Đại Diện Theo Pháp Luật**": là người đại diện theo pháp luật của Công Ty.

2.11. **"Người Điều Hành Công Ty"**: là người điều hành của Công Ty, bao gồm: Tổng Giám Đốc, Phó tổng giám đốc của Công Ty (nếu có) và Kế toán trưởng của Công Ty.

2.12. "**Người Quản Lý Công Ty**": là người quản lý của Công Ty, bao gồm: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc.

2.13. "**Người Có Liên Quan**": là cá nhân, tổ chức được quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán.

2.14. "**Cổ Đông**": là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất 01 (một) cổ phần của Công Ty.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

3.1. Hội Đồng Quản Trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Hội Đồng Quản Trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại Hội Đồng Cổ Đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị đối với sự phát triển của Công Ty, trừ trường hợp được miễn trừ trách nhiệm theo quy định pháp luật và/hoặc Điều Lệ.

3.2. Trong từng trường hợp cụ thể, Hội Đồng Quản Trị có quyền ủy quyền, giao, phân công, phân cấp cho Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng giám đốc (nếu có) và/hoặc các cá nhân, phòng ban, bộ phận, đơn vị khác quyết định các vấn đề, thực hiện các công việc, nhiệm vụ trong phạm vi quyền, nghĩa vụ của mình và/hoặc tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Thành viên Hội Đồng Quản Trị

4.1. Hội Đồng Quản Trị có từ 03 (ba) đến 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành và thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị cụ thể sẽ do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định trong từng thời kỳ trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật.

4.2. Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị là 05 (năm) năm và nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị theo nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị được bầu bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.

4.3. Nếu tại thời điểm Hội Đồng Quản Trị kết thúc nhiệm kỳ mà Hội Đồng Quản Trị của nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Hội Đồng Quản Trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội Đồng Quản Trị của nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp quản công việc.

4.4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công Ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công Ty.

c. Không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên quá 05 công ty khác (trừ trường hợp điểm d khoản 4.4 Điều này).

d. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được là thành viên hội đồng quản trị hoặc thành viên hội đồng thành viên, ban điều hành, người hành nghề quản lý quỹ của một công ty quản lý quỹ khác hoặc thành viên hội đồng quản trị hoặc thành viên hội đồng thành viên, ban điều hành, nhân viên tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát

cung cấp dịch vụ cho quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán mà Công Ty đang quản lý.

e. Điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.

4.5. Trong trường hợp theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền Công Ty bắt buộc phải có thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập thì ngoài các tiêu chuẩn quy định tại khoản 4.4 Điều này, thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội Đồng Quản Trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát của Công Ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ.

4.6. Khi bắt đầu nhiệm kỳ, tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị đều phải đáp ứng đầy đủ những điều kiện theo yêu cầu của pháp luật, quy chế quản trị, Điều Lệ và các quy định nội bộ của Công Ty. Trong nhiệm kỳ của mình, nếu có sự thay đổi thì các thành viên phải thông báo với Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị. Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời áp dụng cho những thành viên Hội Đồng Quản Trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.

Điều 5. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

5.1. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị do Hội Đồng Quản Trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội Đồng Quản Trị.

5.2. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội Đồng Quản Trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị;

e. Chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán.

5.3. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc quy định tại Điều Lệ. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội Đồng Quản Trị.

Điều 6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị

6.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông miễn nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 41 của Điều Lệ;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Trường hợp khác quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán.

6.2. Đại Hội Đồng Cổ Đông bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp thành viên Hội Đồng Quản Trị đó không tham gia các hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

6.3. Khi xét thấy cần thiết, Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 6.1 và khoản 6.2 Điều này.

6.4. Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội Đồng Quản Trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều Lệ. Trường hợp này, Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b. Số lượng thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ thành viên độc lập theo quy định.

Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 7. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội Đồng Quản Trị

7.1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền yêu cầu Tổng Giám Đốc, người quản lý khác trong Công Ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của đơn vị trong Công Ty.

7.2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội Đồng Quản Trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công Ty quy định.

7.3. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin trong trường hợp này được thực hiện theo các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công Ty.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị

8.1. Hội Đồng Quản Trị là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

8.2. Hội Đồng Quản Trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công Ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại điểm a, b khoản 19.2 Điều 19 của Điều lệ;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty (không bao gồm tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do Công Ty quản lý và hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông quy định tại khoản 50.3 Điều 50 Điều Lệ);

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám Đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ; cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia hội đồng thành viên hoặc đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám Đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công Ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến để Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua nghị quyết;

m. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại Hội Đồng Cổ Đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công Ty;

p. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty.

8.3. Hội Đồng Quản Trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều Lệ Công Ty quy định. Mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị có một phiếu biểu quyết.

8.4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội Đồng Quản Trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công Ty và nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội Đồng Quản Trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông, Điều lệ Công Ty gây thiệt hại cho Công Ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công Ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công Ty có quyền yêu cầu tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 9. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với Người Có Liên Quan

9.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với Người Có Liên Quan sau đây:

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ đông của Công Ty và Người Có Liên Quan của họ;

b. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Có Liên Quan của họ;

c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác của Công Ty phải kê khai theo quy định tại khoản 47.2 Điều 47 Điều Lệ;

d. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

9.2. Hội Đồng Quản Trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 9.1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và không thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông theo khoản 9.3 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội Đồng Quản Trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo trừ trường hợp Điều lệ Công Ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội Đồng Quản Trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

9.3. Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận các hợp đồng, giao dịch sau đây:

a. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 9.2 Điều này;

b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công Ty và cổ đông sở hữu từ 51 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người Có Liên Quan của cổ đông đó.

9.4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 9.3 Điều này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng phải thông báo cho Hội Đồng Quản Trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội Đồng Quản Trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 35.1 và khoản 35.4 Điều 35 Điều Lệ.

9.5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám Đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công Ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

9.6. Công Ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 10. Các tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị

10.1. Hội Đồng Quản Trị, căn cứ tình hình thực tế, có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.

10.2. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội Đồng Quản Trị quyết định. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội Đồng Quản Trị. Các nghị quyết, quyết định của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị

11.1. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội Đồng Quản Trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.

11.2. Hội Đồng Quản Trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

11.3. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của Ban Kiểm Soát hoặc thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị;

b. Có đề nghị của Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội Đồng Quản Trị;

d. Trường hợp khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán.

11.4. Đề nghị quy định tại khoản 11.3 Điều này được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị.

11.5. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 11.3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.

11.6. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được đăng ký tại Công Ty.

11.7. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội Đồng Quản Trị. Kiểm soát viên có quyền dự họp cuộc họp Hội Đồng Quản Trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

11.8. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp.

11.9. Thành viên Hội Đồng Quản Trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 11.11 Điều này.

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện từ hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công Ty.

11.10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chậm nhất 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11.11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị. Thành viên được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị chấp thuận.

11.12. Trừ trường hợp Điều lệ Công Ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.

Điều 12. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị

12.1. Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian, địa điểm họp;

c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 12.2 Điều này.

12.2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g và điểm h khoản 12.1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

12.3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội Đồng Quản Trị.

12.4. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công Ty.

12.5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 13. Trình báo cáo hằng năm

13.1. Kết thúc năm tài chính, Hội Đồng Quản Trị phải trình Đại Hội Đồng Cổ Đông các báo cáo sau đây:

a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công Ty;

b. Báo cáo tài chính;

c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công Ty;

d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm Soát.

13.2. Các báo cáo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c Khoản 13.1 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm Soát để thẩm định chậm nhất là 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên.

13.3. Các báo cáo quy định tại Điều này và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty chậm nhất là 01 (một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên. Cổ Đông sở hữu cổ phần của Công Ty liên tục ít nhất 01 (một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 14. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị

14.1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội Đồng Quản Trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội Đồng Quản Trị do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

14.2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

14.3. Thù lao của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty và phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 15. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai hóa lợi ích và Người Có Liên Quan của Công Ty thực hiện theo quy định sau đây:

15.1. Công Ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những Người Có Liên Quan của Công Ty theo quy định pháp luật và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công Ty.

15.2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác của Công Ty phải kê khai cho Công Ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những Người Có Liên Quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% Vốn Điều Lệ.

15.3. Việc kê khai quy định tại khoản 15.2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công Ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

15.4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách Người Có Liên Quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 15.1 và khoản 15.2 Điều này được thực hiện như sau:

a. Công Ty phải thông báo danh sách Người Có Liên Quan và lợi ích có liên quan cho Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên;

b. Danh sách Người Có Liên Quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công Ty;

c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d. Công Ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục và sao chép danh sách Người Có Liên Quan của Công Ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai Người Có Liên Quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều Lệ Công Ty.

15.5. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công Ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội Đồng Quản Trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công Ty.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị

16.1. Quan hệ giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

16.2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội Đồng Quản Trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp với các thành viên Hội Đồng Quản Trị khác để xử lý nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội Đồng Quản Trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của pháp luật, Điều Lệ và Quy Chế này.

16.3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị thì các thành viên Hội Đồng Quản Trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị về việc bàn giao đó.

Điều 17. Mối quan hệ với Tổng Giám Đốc

17.1. Với vai trò quản trị, Hội Đồng Quản Trị ban hành các nghị quyết, quyết định để Tổng Giám Đốc và bộ máy điều hành thực hiện; đồng thời, Hội Đồng Quản Trị kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định nêu trên.

17.2. Trong từng trường hợp cụ thể, Hội Đồng Quản Trị quyết định ủy quyền, giao, phân công, phân cấp cho Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc (nếu có) quyết định các vấn đề, thực hiện các công việc, nhiệm vụ trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của mình.

Điều 18. Mối quan hệ với Ban Kiểm Soát

18.1. Mối quan hệ giữa Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội Đồng Quản Trị với Ban Kiểm Soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập; đồng thời, phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

18.2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm Soát, Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành

19.1. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy Chế này do Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét, thông qua.

19.2. Trường hợp Quy Chế này không có quy định hoặc có quy định khác so với quy định pháp luật có liên quan thì áp dụng quy định pháp luật có liên quan. Trường hợp Quy Chế này không có quy định hoặc có quy định khác so với quy định tại Điều Lệ thì áp dụng quy định tại Điều Lệ.

19.3. Quy Chế này bao gồm 07 (bảy) chương, 19 (mười chín) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ..... tháng ..... năm .....

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

SAIGON CAPITAL

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN
Trụ sở chính: Tầng 1, Khối nhà B, số 88 Trần Thủ Độ, phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội
Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 37/UBCK-GP ngày 28/08/2008 và các Giấy phép điều chỉnh
Mã số doanh nghiệp: 0305932511

Số: 07/2026/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn;*

Trên cơ sở các quy định của pháp luật và nhằm đáp ứng các nhu cầu thực tiễn trong công tác tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn (sau đây gọi là "**SGC**"), Hội đồng quản trị SGC đã tiến hành xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định nội bộ của SGC và kính trình Đại hội đồng cổ đông SGC xem xét, thông qua các nội dung như sau:

1. Thông qua ***Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn*** với nội dung như bản dự thảo kèm theo Tờ trình này.
2. Giao cho Hội đồng quản trị SGC quyết định ban hành ***Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn*** được nêu tại Mục 1 nêu trên sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông SGC thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông SGC xem xét, cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- *Như: Kính gửi;*
- *Lưu: VT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN

Đỗ Duy Tân

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN

Tháng ___ năm ___

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG 4

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 4

Điều 2. Giải thích từ ngữ 4

Điều 3. Nguyên tắc quản trị Công Ty 5

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 5

Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông 5

Điều 5. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông 5

Điều 6. Thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông 5

Điều 7. Thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông bằng hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản 7

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 8

Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị 8

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị 8

Điều 10. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu, đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị 8

Điều 11. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị 9

Điều 12. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội Đồng Quản Trị 9

Điều 13. Các tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị 11

Điều 14. Người phụ trách quản trị Công Ty 11

CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT 12

Điều 15. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát 12

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm Soát Viên 12

Điều 17. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm Soát Viên 12

Điều 18. Tiền lương và lợi ích khác của Kiểm Soát Viên 13

Điều 19. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Ban Kiểm Soát 13

CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC 14

Điều 20. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám Đốc 14

Điều 21. Nhiệm kỳ, bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám Đốc 14

Điều 22. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám Đốc 14

CHƯƠNG VI. CƠ CHẾ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG 14

Điều 23. Nguyên tắc phối hợp hoạt động 15

Điều 24. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Tổng Giám Đốc 15

Điều 25. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị cho Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc 15

Điều 26. Trường hợp Tổng Giám Đốc, Ban Kiểm Soát đề nghị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội Đồng Quản Trị 15

Điều 27. Báo cáo, cung cấp thông tin của Tổng Giám Đốc đối với Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát 15

Điều 28. Đánh giá việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội Đồng Quản Trị đối với Tổng Giám Đốc 15

Điều 29. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên và Tổng Giám Đốc 16

CHƯƠNG VII. KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT 16

Điều 30. Đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật 16

CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 17

Điều 31. Điều khoản thi hành 17

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc; trình tự và thủ tục họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát; việc đề cử, ứng cử, bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn và quy định pháp luật.

1.2. Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn được áp dụng cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và các đơn vị, bộ phận, phòng, ban, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

2.1. "**Luật Doanh Nghiệp**": là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ).

2.2. "**Luật Chứng Khoán**": là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ).

2.3. "**Điều Lệ**": là Điều lệ Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn có hiệu lực kể từ ngày ___ tháng ___ năm 2026 (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ).

2.4. "**Quy Chế**": là Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ).

2.5. "**Công Ty**": là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn.

2.6. "**Đại Hội Đồng Cổ Đông**": là Đại hội đồng cổ đông của Công Ty.

2.7. "**Hội Đồng Quản Trị**": là Hội đồng quản trị của Công Ty.

2.8. "**Ban Kiểm Soát**": là Ban kiểm soát của Công Ty.

2.9. "**Tổng Giám Đốc**": là Tổng giám đốc của Công Ty hoặc chức danh tương đương theo quy định/quyết định phân công, bổ nhiệm của Công Ty.

2.10. "**Kiểm Soát Viên**": là Kiểm soát viên/thành viên Ban Kiểm Soát.

2.11. "**Người Đại Diện Theo Pháp Luật**": là người đại diện theo pháp luật của Công Ty.

2.12. **"Người Điều Hành Công Ty"**: là người điều hành của Công Ty, bao gồm: Tổng Giám Đốc, Phó tổng giám đốc của Công Ty (nếu có) và Kế toán trưởng của Công Ty.

2.13. "**Người Quản Lý Công Ty**": là người quản lý của Công Ty, bao gồm: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc.

2.14. "**Người Có Liên Quan**": là cá nhân, tổ chức được quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán.

2.15. "**Cổ Đông**": là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất 01 (một) cổ phần của Công Ty.

Điều 3. Nguyên tắc quản trị Công Ty

3.1. Tuân thủ quy định pháp luật và Điều Lệ.

3.2. Đảm bảo cơ chế quản trị, điều hành Công Ty hiệu quả và hướng tới chuẩn mực, thông lệ quốc tế.

3.3. Tôn trọng và đảm bảo quyền lợi của Cổ Đông; đối xử công bằng giữa các Cổ Đông.

3.4. Minh bạch trong hoạt động của Công Ty.

CHƯƠNG II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông

4.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông gồm tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty.

4.2. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Điều Lệ.

Điều 5. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản.

Điều 6. Thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

6.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông họp thường niên mỗi năm 01 (một) lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

6.2. Đại Hội Đồng Cổ Đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội Đồng Quản Trị quyết định gia hạn họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

6.3. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể tổ chức bằng hình thức họp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến, tùy theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập họp trong từng thời kỳ.

6.4. Thẩm quyền triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông:

a) Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và bất thường. Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp bất thường Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:

(i) Hội Đồng Quản Trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty;

(ii) Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

(iii) Theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 10.2 Điều Lệ;

(iv) Theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát;

(v) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.

b) Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại Điều 6.4.a.(ii) nêu trên hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 6.4.a.(iii), Điều 6.4.a.(iv) nêu trên. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định thì Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và các thành viên Hội Đồng Quản Trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty.

c) Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 6.4.b nêu trên thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm Soát thay thế Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định. Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định thì Ban Kiểm Soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty.

d) Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 6.4.c nêu trên thì Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 10.2 Điều Lệ có quyền đại diện Công Ty triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định.

6.5. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông:

a) Việc lập danh sách Cổ Đông có quyền dự họp được thực hiện theo quy định tại Điều 28 Điều Lệ.

b) Công Ty thực hiện thông báo về việc chốt danh sách Cổ Đông có quyền tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 30 Điều Lệ và quy định pháp luật.

c) Chương trình, nội dung cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định tại Điều 29 Điều Lệ.

d) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và cách thức đăng ký tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Điều Lệ.

e) Điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định tại Điều 32 Điều Lệ.

f) Cách thức bỏ phiếu và cách thức kiểm phiếu được thực hiện theo quy chế tổ chức họp đại hội đồng cổ đông do Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trong từng thời kỳ.

g) Điều kiện để nghị quyết được thông qua được thực hiện theo quy định tại Điều 35 Điều Lệ.

h) Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

i) Cách thức phản dối nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông: Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại Hội Đồng Cổ Đông, Cổ Đông, nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 10.2 Điều Lệ có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:

(i) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ, trừ trường hợp quy dịnh tại Điều 39.2 Điều Lệ;

(ii) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều Lệ.

j) Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được lập theo quy định tại Điều 37 Điều Lệ và phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

k) Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được Công Ty công bố thông tin theo quy định pháp luật.

6.6. Việc tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến được thực hiện theo quy định do Hội Đồng Quản Trị ban hành.

Điều 7. Thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông bằng hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản

7.1. Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông bất cứ lúc nào đối với mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông, kể cả các vấn đề sau:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều Lệ Công Ty;

c) Định hướng phát triển Công Ty;

d) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

e) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty;

f) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;

g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

h) Tổ chức lại, giải thể Công Ty.

7.2. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Điều Lệ.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị

8.1. Hội Đồng Quản Trị là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

8.2. Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị được thực hiện theo quy định tại Điều 40 Điều Lệ.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị

9.1. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị được thực hiện theo quy định tại Điều Lệ và quy định pháp luật.

9.2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị được thực hiện theo quy định tại Điều 42 Điều Lệ.

Điều 10. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu, đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị

10.1. Hội Đồng Quản Trị có từ 03 (ba) đến 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành và thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị cụ thể sẽ do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định trong từng thời kỳ trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật.

10.2. Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị là 05 (năm) năm và nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị theo nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị được bầu bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.

10.3. Nếu tại thời điểm Hội Đồng Quản Trị kết thúc nhiệm kỳ mà Hội Đồng Quản Trị của nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Hội Đồng Quản Trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội Đồng Quản Trị của nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp quản công việc.

10.4. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị được thực hiện theo quy định tại Điều 41 Điều Lệ.

10.5. Đề cử, ứng cử và giới thiệu ứng viên thành viên Hội Đồng Quản Trị:

a) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông thực hiện quyền đề cử và/hoặc ứng cử vào vị trí thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định tại Điều 10.4 Điều Lệ và quy

định pháp luật.

b) Trường hợp số ứng cử viên được Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 10.4 Điều Lệ đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử và/hoặc không đủ bù đắp số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị tối thiểu theo quy định Điều Lệ, vị trí ứng cử viên thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại do Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm và các Cổ Đông khác đề cử.

c) Việc giới thiệu ứng viên thành viên Hội Đồng Quản Trị được thực hiện theo quy định pháp luật.

10.6. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị:

a) Việc bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều 35.3 Điều Lệ.

b) Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị được thực hiện theo quy định tại Điều 43 Điều Lệ.

c) Công Ty có trách nhiệm thông báo, công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định pháp luật.

10.7. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị do Hội Đồng Quản Trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội Đồng Quản Trị.

Điều 11. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị

11.1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội Đồng Quản Trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội Đồng Quản Trị do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

11.2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

11.3. Thù lao của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty và phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 12. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội Đồng Quản Trị

12.1. Hội Đồng Quản Trị họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường.

12.2. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban Kiểm Soát hoặc thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị;

b) Có đề nghị của Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người Quản Lý Công Ty khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội Đồng Quản Trị;

d) Trường hợp khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán.

Đề nghị quy định tại Điều 12.2 này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị.

12.3. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Điều 12.2 nêu trên. Trường hợp không triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.

12.4. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

12.5. Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều Lệ quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được đăng ký tại Công Ty.

12.6. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm Soát Viên như đối với các thành viên Hội Đồng Quản Trị. Kiểm Soát Viên có quyền dự họp cuộc họp Hội Đồng Quản Trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12.7. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều Lệ quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp.

12.8. Thành viên Hội Đồng Quản Trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Điều Lệ và Điều 12.10 Quy Chế.

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện từ hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Điều Lệ.

12.9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chậm

nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

12.10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị. Thành viên được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị chấp thuận.

12.11. Trừ trường hợp Điều Lệ có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.

12.12. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị phải được lập theo quy định tại Điều 45 Điều Lệ.

12.13. Việc thông báo, công bố thông tin nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị được thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 13. Các tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị

13.1. Hội Đồng Quản Trị, căn cứ tình hình thực tế, có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.

13.2. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội Đồng Quản Trị quyết định. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội Đồng Quản Trị. Các nghị quyết, quyết định của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

Điều 14. Người phụ trách quản trị Công Ty

14.1. Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị Công Ty để hỗ trợ công tác quản trị Công Ty. Việc miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công Ty được thực hiện theo nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

14.2. Công Ty thực hiện thông báo, công bố thông tin về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công Ty theo quy định pháp luật.

14.3. Người phụ trách quản trị Công Ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công Ty. Người phụ trách quản trị Công Ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty.

14.4. Người phụ trách quản trị Công Ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội Đồng Quản Trị trong việc tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công Ty và Cổ Đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Đại Hội Đồng Cổ Đông theo yêu cầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và các thông tin khác cho thành viên Hội Đồng Quản Trị và Kiểm Soát Viên;

g) Giám sát và báo cáo Hội Đồng Quản Trị về hoạt động công bố thông tin của Công Ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ;

j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát

15.1. Ban Kiểm Soát thực hiện giám sát Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc trong việc quản lý và điều hành Công Ty.

15.2. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát được thực hiện theo quy định tại Điều 52 Điều Lệ.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm Soát Viên

16.1. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm Soát Viên được thực hiện theo quy định tại Điều 53.3 Điều Lệ.

16.2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm Soát được thực hiện theo quy định tại Điều 53.6 Điều Lệ.

Điều 17. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm Soát Viên

17.1. Khi Công Ty thuộc trường hợp bắt buộc có Ban Kiểm Soát hoặc theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Công Ty thành lập Ban Kiểm Soát theo quy định của Điều Lệ. Số lượng Kiểm Soát Viên ít nhất là 03 (ba) Kiểm Soát Viên và nhiều nhất là 05 (năm) Kiểm Soát Viên. Số lượng Kiểm Soát Viên cụ thể sẽ do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định trong từng thời kỳ trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật.

17.2. Ban Kiểm Soát phải có hơn một nửa số Kiểm Soát Viên thường trú tại Việt Nam.

17.3. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát là 05 (năm) năm và nhiệm kỳ của Kiểm Soát Viên theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát. Nhiệm kỳ của Kiểm Soát Viên được bầu bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát. Kiểm Soát Viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nếu tại thời điểm Ban Kiểm Soát kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm Soát của nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban Kiểm Soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc vẫn tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm Soát của nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp quản công việc.

17.4. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện đối với Kiểm Soát Viên được thực hiện theo quy định tại Điều 53 Điều Lệ.

17.5. Đề cử, ứng cử và giới thiệu ứng viên Kiểm Soát Viên:

a) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông thực hiện quyền đề cử và/hoặc ứng cử vào vị trí Kiểm Soát Viên theo quy định tại Điều 10.4 Điều Lệ và quy định pháp luật.

b) Trường hợp số ứng cử viên được Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 10.4 Điều Lệ đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử và/hoặc không đủ bù đắp số lượng Kiểm Soát Viên tối thiểu theo quy định Điều Lệ, vị trí ứng cử viên Kiểm Soát Viên còn lại do Ban Kiểm Soát đương nhiệm và các Cổ Đông khác đề cử.

c) Việc giới thiệu ứng viên Kiểm Soát Viên được thực hiện theo quy định pháp luật.

17.6. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm Soát Viên:

a) Việc bầu Kiểm Soát Viên được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều 35.3 Điều Lệ.

b) Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm Soát Viên được thực hiện theo quy định tại Điều 53.7 và Điều 53.8 Điều Lệ.

c) Công Ty có trách nhiệm thông báo, công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm Soát Viên theo quy định pháp luật.

Điều 18. Tiền lương và lợi ích khác của Kiểm Soát Viên

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm Soát Viên được thực hiện theo quy định sau đây:

18.1. Kiểm Soát Viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo nghị quyết, quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm Soát.

18.2. Kiểm Soát Viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm Soát đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyết định khác.

18.3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm Soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty.

Điều 19. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Ban Kiểm Soát

19.1. Ban Kiểm Soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 (hai phần ba) số lượng Kiểm Soát Viên. Biên bản họp Ban Kiểm Soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm Soát Viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm Soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm Soát Viên.

19.2. Ban Kiểm Soát có quyền yêu cầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

CHƯƠNG V

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 20. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám Đốc

20.1. Tổng Giám Đốc là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công Ty, chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.[1]

20.2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám Đốc được thực hiện theo quy định tại Điều 58 Điều Lệ.

Điều 21. Nhiệm kỳ, bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp dồng đối với Tổng Giám Đốc

21.1. Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm một thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám Đốc.

21.2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám Đốc được thực hiện theo nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị. Công Ty có trách nhiệm thông báo, công bố thông tin về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám Đốc theo quy định pháp luật.

21.3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

21.4. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng Giám Đốc được thực hiện theo quy định tại Điều 57 Điều Lệ.

Điều 22. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám Đốc

22.1. Tổng Giám Đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám Đốc do Hội Đồng Quản Trị quyết định.

22.2. Tiền lương của Tổng Giám Đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty và phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI

CƠ CHẾ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG

[1] Điều 162.2 Luật Doanh Nghiệp.

Điều 23. Nguyên tắc phối hợp hoạt động

23.1. Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Ban Kiểm Soát có trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công Ty và Cổ Đông.

23.2. Hội Đồng Quản Trị là cơ quan quản lý Công Ty; Tổng Giám Đốc chịu sự giám sát của Hội Đồng Quản Trị; Ban Kiểm Soát thực hiện giám sát Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc trong việc quản lý và điều hành Công Ty.

Tổng Giám Đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị, có quyền quyết định cao nhất về mọi hoạt động điều hành hằng ngày của Công Ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị.Điều 24. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Tổng Giám Đốc

24.1. Trong các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm Soát Viên như đối với các thành viên Hội Đồng Quản Trị. Kiểm Soát Viên có quyền dự họp cuộc họp Hội Đồng Quản Trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

24.2. Trong các cuộc họp Ban Kiểm Soát, Ban Kiểm Soát có quyền yêu cầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

24.3. Biên bản họp và nghị quyết, quyết định được gửi cho tất cả các thành viên tham dự trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Điều 25. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị cho Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc

Tất cả các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị và các văn bản có tính chất quản trị chung do Hội Đồng Quản Trị ban hành đều được gửi đến Ban Kiểm Soát và Tổng Giám Đốc trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày ban hành nghị quyết, quyết định, văn bản đó.

Điều 26. Trường hợp Tổng Giám Đốc, Ban Kiểm Soát đề nghị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội Đồng Quản Trị

Tổng Giám Đốc và Ban Kiểm Soát có quyền đề nghị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị theo quy định tại Điều 12.2 Quy Chế.

Điều 27. Báo cáo, cung cấp thông tin của Tổng Giám Đốc đối với Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát

27.1. Tổng Giám Đốc gửi báo cáo định kỳ và bất thường theo yêu cầu của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát.

27.2. Nội dung và hình thức báo cáo được thực hiện theo yêu cầu của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát.

Điều 28. Đánh giá việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội Đồng Quản Trị đối với Tổng Giám Đốc

Định kỳ hàng quý và hằng năm, Hội Đồng Quản Trị đánh giá việc thực hiện nghị quyết và các

vấn đề ủy quyền khác của Hội Đồng Quản Trị đối với Tổng Giám Đốc để có chủ trương, định hướng, chỉ đạo, điều chỉnh phù hợp.

Điều 29. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên và Tổng Giám Đốc

29.1. Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên và Tổng Giám Đốc phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của các thành viên theo quy định tại Điều Lệ, Quy Chế này và quy định pháp luật. Trong quá trình thực hiện chức năng quản trị, Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát tạo điều kiện để Tổng Giám Đốc thực hiện tốt chức năng của mình. Tổng Giám Đốc tạo điều kiện cần thiết để các thành viên Hội Đồng Quản Trị và Kiểm Soát Viên thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công.

29.2. Khi phát hiện các vấn đề cấp bách thuộc trách nhiệm của Tổng Giám Đốc, các thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể trao đổi trực tiếp, qua điện thoại hoặc thư điện tử (email) với Tổng Giám Đốc để giải quyết kịp thời.

29.3. Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc Tổng Giám Đốc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

29.4. Trong quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị, nếu Tổng Giám Đốc phát hiện thấy có bất kỳ vấn đề nào bất lợi hoặc ảnh hưởng đến Công Ty thì Tổng Giám Đốc có trách nhiệm báo cáo kịp thời cho Hội Đồng Quản Trị để điều chỉnh nghị quyết, quyết định cho phù hợp.

29.5. Sau các cuộc kiểm tra định kỳ hay đột xuất, Ban Kiểm Soát phải gửi kết luận kiểm tra bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị để Hội Đồng Quản Trị nắm rõ tình hình Công Ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra, Ban Kiểm Soát có trách nhiệm trao đổi với Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc trước khi quyết định báo cáo trước Đại Hội Đồng Cổ Đông.

CHƯƠNG VII

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 30. Đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật

30.1. Việc đánh giá hoạt động khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc và Người Điều Hành Công Ty được thực hiện hàng năm trên cơ sở các hoạt động giám sát, quản lý, đánh giá và các báo cáo hàng năm của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát.

30.2. Cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Tổng Giám Đốc và Người Điều Hành Công Ty có thẩm quyền đánh giá, xem xét, quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng Giám Đốc và Người Điều Hành Công Ty. Việc khen thưởng, kỷ luật được thực hiện theo quy định nội bộ của Công Ty và quy định pháp luật.

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Điều khoản thi hành

31.1. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy Chế này do Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét, thông qua.

31.2. Trường hợp Quy Chế này không có quy định hoặc có quy định khác so với quy định pháp luật có liên quan thì áp dụng quy định pháp luật có liên quan. Trường hợp Quy Chế này không có quy định hoặc có quy định khác so với quy định tại Điều Lệ thì áp dụng quy định tại Điều Lệ.

31.3. Quy Chế này bao gồm 08 (tám) chương, 31 (ba mươi mốt) điều và có hiệu lực kể từ ngày ..... tháng ..... năm .....

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

SAIGON CAPITAL

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN
Trụ sở chính: Tầng 1, Khối nhà B, số 88 Trần Thủ Độ, phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội
Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 37/UBCK-GP ngày 28/08/2008 và các Giấy phép điều chỉnh
Mã số doanh nghiệp: 0305932511

Số: 09/2026/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua số lượng thành viên Hội đồng quản trị và miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với Bà Lê Thu Minh)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn;*
- *Căn cứ Đơn từ nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2026 của Bà Lê Thu Minh;*

Căn cứ tình hình hoạt động, cơ cấu, số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn và chủ trương kiện toàn, tối ưu bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn (sau đây gọi là "**SGC**"), Hội đồng quản trị SGC kính trình Đại hội đồng cổ đông SGC xem xét và thông qua các nội dung sau đây:

1. Thông qua số lượng thành viên Hội đồng quản trị SGC là 03 (ba) thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị SGC được nêu tại Mục 1 này, sau khi được Đại hội đồng cổ đông SGC thông qua, sẽ được áp dụng cho đến khi Đại hội đồng cổ đông SGC có quyết định khác.

2. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị SGC đối với Bà Lê Thu Minh theo nguyện vọng cá nhân.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông SGC xem xét, cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- *Như: Kính gửi;*
- *Lưu: VT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN

Đỗ Duy Tân

SAIGON CAPITAL

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN
Trụ sở chính: Tầng 1, Khối nhà B, số 88 Trần Thủ Độ, phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội.
Giấy phép TL&HĐ: Số 37/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 28/08/2008 và các Giấy phép điều chỉnh
Mã số doanh nghiệp: 0305932511

Số: […]/2026/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày […] tháng […] năm 2026

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ SÀI GÒN

Căn cứ:

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ);*
- *Căn cứ Điều lệ hiện hành ("**Điều Lệ**") của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn ("**Công ty**"hoặc "**SGC**");*
- *Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 2404/2026/BB-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026 của Đại hội đông cổ đông của SGC;*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo số 0204/2026/BCHĐQT-SGC ngày 02/04/2026 của Hội đồng quản trị ("HĐQT") về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026.

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán với các tiêu chí sau:

Khoản/mục	Đơn vị	Giá trị
Tổng tài sản	Đồng	77.663.240.807
Doanh thu	Đồng	8.957.961.180
Lợi nhuận trước thuế Lợi nhuận trước thuế đã thực hiện Lợi nhuận trước thuế chưa thực hiện	Đồng	 8.601.658.757 -

Lợi nhuận sau thuế Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	Đồng	7.139.376.768 -

Điều 3. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau: Không chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu, giữ lại lợi nhuận sau thuế năm 2025 và số dư lợi nhuận sau thuế giữ lại đến 31/12/2025 được dùng để phục vụ hoạt động kinh doanh, tái đầu tư. Chi tiết như sau:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2025 : **7.139.376.768 VNĐ**
- Số dư Lợi nhuận sau thuế tại 31/12/2025 : **32.610.063.024 VNĐ**

Điều 4. Thông qua phê duyệt danh sách 03 Công ty kiểm toán độc lập dựa trên danh sách Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026 như sau:

STT	Danh sách công ty kiểm toán độc lập
1	Công ty TNHH Enst & Young Việt Nam (E&Y)
2	Công ty TNHH PWC Việt Nam (PWC)
3	Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC)

Điều 5. Thông qua việc ủy quyền, giao, phân công cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn 01 Công ty kiểm toán độc lập thuộc danh sách 03 Công ty tại Điều 4 nêu trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026, soát xét Báo cáo tài chính định kỳ năm 2026, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và các Báo cáo khác của SGC phải thực hiện kiểm toán (nếu pháp luật có quy định về việc phải kiểm toán và thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông) trong năm 2026.

Điều 6. Thông qua tổng mức thù lao cho toàn bộ các thành viên Hội đồng quản trị SGC năm 2026 tối đa không quá 0,1% Lợi nhuận sau thuế năm 2026 của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Sài gòn. Mức phân bổ cụ thể đối với từng thành viên Hội đồng quản trị giao cho Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 7. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty như sau:

Khoản/mục	Đơn vị	Giá trị
Lợi nhuận trước thuế	VNĐ	4.000.000.000

- Ủy quyền, giao, phân công cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc sau:

(i) Chỉ đạo, tổ chức, phân công triển khai thực hiện Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của SGC đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

(ii) Tùy tình hình thực tế, xem xét và điều chỉnh Kế hoạch kinh doanh năm 2026 cho phù hợp khi phát sinh các vấn đề làm ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng hoàn thành Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Sài Gòn.

Điều 8. Thông qua và ban hành mới Điều lệ của Công ty (*Chi tiết Điều lệ Công ty cổ phần Quản lý Qũy Sài Gòn đính kèm*). Giao cho Hội đồng quản trị ban hành và công bố Điều lệ Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Điều này.

Điều 9. Thông qua và ban hành mới Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Quản lý Qũy Sài Gòn (*chi tiết Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đính kèm*). Giao cho Hội đồng quản trị ban hành và công bố Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Điều này.

Điều 10. Thông qua và ban hành mới Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Công ty cổ phần Quản lý Qũy Sài Gòn *(chi tiết Quy chế nội bộ về quản trị công ty đính kèm)*. Giao cho Hội đồng quản trị ban hành và công bố Quy chế nội bộ về Quản trị công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Điều này.

Điều 11. Thông qua phê duyệt số lượng thành viên Hội đồng quản trị trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2024-2029 là: [*theo thực tế Đại hội thông qua*] thành viên.

Điều 12. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với Bà Lê Thu Minh.

Điều 13. Điều khoản thi hành:

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Các Ông, Bà thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các phòng ban, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- *Như: Điều 13;*
- *Lưu: VP.*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ